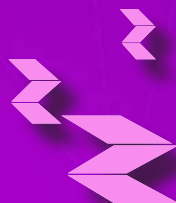




# 2020 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN





<b>Tên Công ty</b>	<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài</b>
<b>Tên viết tắt</b>	<b>NASCO</b>
<b>Tên tiếng Anh</b>	<b>Noibai Airport Services Joint Stock Company</b>
<b>Vốn điều lệ</b>	<b>83.157.640.000 đồng</b>
<b>Trụ sở chính</b>	<b>Sân Bay Quốc Tế Nội Bài - Xã Phú Minh – Huyện Sóc Sơn - Hà Nội</b>
<b>Điện thoại</b>	<b>04. 3884 0085</b>
<b>Fax</b>	<b>04. 3886 5555</b>
<b>Email</b>	<b>info@nasco.vn</b>
<b>Website</b>	<b>http://www.nasco.com.vn</b>
<b>Mã chứng khoán</b>	<b>NAS</b>

## MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. PHẦN MỞ ĐẦU.....	2	2.3. Nhân sự và chính sách nhân sự.....	36
1. Thư ngỏ của Chủ tịch HĐQT.....	6	III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	38
2. Thông tin tài chính cơ bản.....	8	1. Tình hình đầu tư, cải tạo tài sản Công ty.....	38
3. TẦM NHÌN – SỨ MỆNH:.....	8	2. Tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết năm 2020.....	41
CHƯƠNG II. THÔNG TIN CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP.....	10	IV. Tình hình tài chính.....	42
I. Lịch sử phát triển.....	12	4.1. Tình hình tài chính.....	42
II. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	14	4.2. các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	42
III. Thông tin về ban lãnh đạo, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	16	V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	43
3.1. Ban lãnh đạo.....	16	Phần III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	46
3.2. Sơ đồ mô hình tổ chức hoạt động Công ty.....	18	I. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.....	48
3.3. Công ty con, công ty liên kết .....	22	II. Cải tiến trong cơ cấu lao động, chính sách, quản lý.....	49
IV. Định hướng phát triển.....	24	III. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.....	50
V. Các rủi ro.....	26	Phần IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT.....	52
5.1. Rủi ro về dịch bệnh Covid-19 .....	26	I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2020.....	54
5.2. Rủi ro về kinh tế - chính trị toàn cầu.....	26	II. Kế hoạch SXKD năm 2021, phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2021.....	58
5.3. Rủi ro về lãi suất và tỷ giá.....	27	PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	60
5.4. Rủi ro khác .....	27	I. Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông.....	62
VI. Vị thế của Công ty trong ngành.....	28	II. Giới thiệu ban lãnh đạo:.....	63
1. Phân tích SWOT.....	28	1. Hội đồng quản trị:.....	63
2. Vị thế:.....	30	2. Ban kiểm soát .....	67
CHƯƠNG III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	32	3. Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý .....	67
I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	34	4. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc.....	68
1.1. Thông tin ngành.....	34	5. Tăng cường quản trị công ty.....	68
1.2. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020:.....	35	PHẦN VI: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	70
II. Tổ chức và nhân sự.....	35	I. Những tác động liên quan đến môi trường.....	72
2.1. Giới thiệu Ban Lãnh đạo.....	35	II. Những tác động liên quan đến cộng đồng.....	73
2.2. Những thay đổi trong Ban Lãnh đạo.....	35	PHẦN VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	76

## 1. THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Kính thưa Quý cổ đông, Quý Khách hàng, Quý đối tác kính mến!

Thưa toàn thể cán bộ công nhân viên NASCO thân mến!

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty, tôi xin gửi tới Quý vị lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Năm 2020 là năm thứ hai thế giới chịu ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, nền kinh tế thế giới chịu nhiều ảnh hưởng nghiêm trọng, sự đứt gãy của các chuỗi cung ứng, thu hẹp cả tổng cung và tổng cầu, gia tăng rủi ro tài chính đưa kinh tế thế giới vào vòng suy giảm. Trước tình hình đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động ban hành các nghị quyết, nghị định, quyết định về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 và hỗ trợ thêm cho một số nhóm đối

tượng đang hưởng chính sách ưu đãi, bảo trợ xã hội trong thời gian có dịch; gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, gia hạn và giảm tiền thuê đất; trình cấp có thẩm quyền xem xét để hỗ trợ một số ngành, lĩnh vực bị ảnh hưởng lớn từ dịch bệnh. Với những nỗ lực đó, đất nước cũng đã phấn đấu cao nhất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội năm 2020: GDP ước tính tăng 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%), tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Ngành vận tải hàng không do việc hạn chế đi lại cũng như hoạt động sản xuất, kinh doanh bị gián đoạn. Nhiều kế hoạch đầu tư mới máy bay của các hãng hàng không đã bị dừng lại.

Các hãng hàng không Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng rất nặng nề bởi trong dịch Covid-19, chỉ khai thác 1 - 2% đội bay. Trong thời gian dịch bệnh, sau khi phải cắt, giảm các đường bay vận tải hành khách, Vietnam Airlines đã chuyển hướng đẩy mạnh vận tải hàng hóa. Theo đó, hãng đã tăng cường khai thác các chuyến bay chuyên chở hàng hóa trong nước và quốc tế để giảm thua lỗ tại mảng vận chuyển hành khách. Trong năm 2020, Vietnam Airlines có các chuyến bay chỉ chở hàng từ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đi Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hong Kong, Singapore, Malaysia và Thái Lan. Vietnam Airlines đã đưa vào sử dụng 12 máy bay thân rộng Boeing 787 và Airbus A350 để chuyên chở hàng hóa thuận túy trên khoang khách (cabin) và khoang bụng (belly). Doanh thu vận chuyển hàng hóa của Vietnam Airlines đã đạt 1.330 tỉ đồng, riêng tháng 5/2020 đạt 840 tỷ đồng, tăng tới 45% so với cùng kỳ, với sản lượng đạt 20-25 tấn mỗi chiều, hệ số sử dụng tải đạt 95-100%. (Vietnam Airlines, 2020).

Qua đó, do đại dịch Covid 19 và là năm thiên tai bất thường, giá dầu giảm thấp nhất trong vòng 20 năm qua, khiến cho hoạt động trên biển hết sức khó khăn, nguy hiểm. Dự án CSHT bị gián đoạn gây sức ép lên dòng tiền SXKD và tăng chi

phí tài chính.

Nhiều chuyên gia đã dự báo tích cực về nền kinh tế, tốc độ tăng trưởng của Việt Nam năm 2021. HSBC tin tưởng kinh tế Việt Nam có thể đạt mức tăng trưởng 7,6% trong năm 2021 do hưởng lợi từ sự phục hồi bởi công nghệ dẫn đầu. Tuy nhiên, công ty luôn giữ tư thế chủ động nắm bắt tình hình kinh tế, tránh tâm lý chủ quan để có thể sẵn sàng đương đầu với các rủi ro. Ban lãnh đạo sẽ phấn đấu để đáp lại sự tin tưởng và ủy hộ của Quý cổ đông dành cho chúng tôi.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời tri ân đến Quý cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã luôn đồng hành cùng Công ty. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới toàn thể người lao động vì những nỗ lực hết mình đóng góp cho thành quả của Công ty trong thời gian qua.

Chủ tịch HĐQT

Lê Đức Cảnh

## 2. THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Bảng kết quả kinh doanh:

Đơn vị: triệu đồng

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2019-2020

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Thực hiện 2020/2019
Doanh thu thuần	595.423	338.573	57%
Tổng giá trị tài sản	430.193	445.793	104%
Vốn chủ sở hữu	219.546	190.567	87%
Lợi nhuận sau thuế	38.485	(319)	-

#### TẦM NHÌN

Xây dựng và phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp cung cấp chất lượng dịch vụ sân bay hàng đầu cho các Hãng hàng không nội địa, quốc tế và khách hàng tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài.

#### SỨ MỆNH

Không ngừng đầu tư phát triển và sử dụng hợp lý các nguồn lực, đặc biệt là nguồn nhân lực; nguồn lực công nghệ. Thường xuyên cải tiến và phát huy hiệu lực, hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Đảm bảo thỏa mãn đầy đủ những yêu cầu và mong đợi của khách hàng và các bên quan tâm, tăng cường hợp tác với các đối tác kinh doanh trong Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài

#### GIÁ TRỊ CỐT LÕI

**Tận tâm – Chuyên nghiệp :**

NASCO luôn đặt lợi ích và mong muốn của khách hàng lên hàng đầu. Khách hàng chính là trung tâm, là động lực để công ty phát triển các sản phẩm – dịch vụ hoàn hảo nhất.

**Chất lượng**

Các loại hàng hóa trong NASCO DUTY FREE SHOP đều được kiểm soát và giám sát chặt chẽ về chất lượng và nguồn gốc xuất xứ, phù hợp với các quy định Pháp luật Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế. Các loại hàng tiêu dùng có chất lượng cao sản xuất tại Việt Nam và thế giới.

**Hợp tác - Chia sẻ**

NASCO luôn lắng nghe, sẵn sàng hợp tác, chia sẻ và tích cực hành động vì lợi ích của khách hàng, của đối tác và của người lao động. Đây là giá trị phong cách làm việc của NASCO

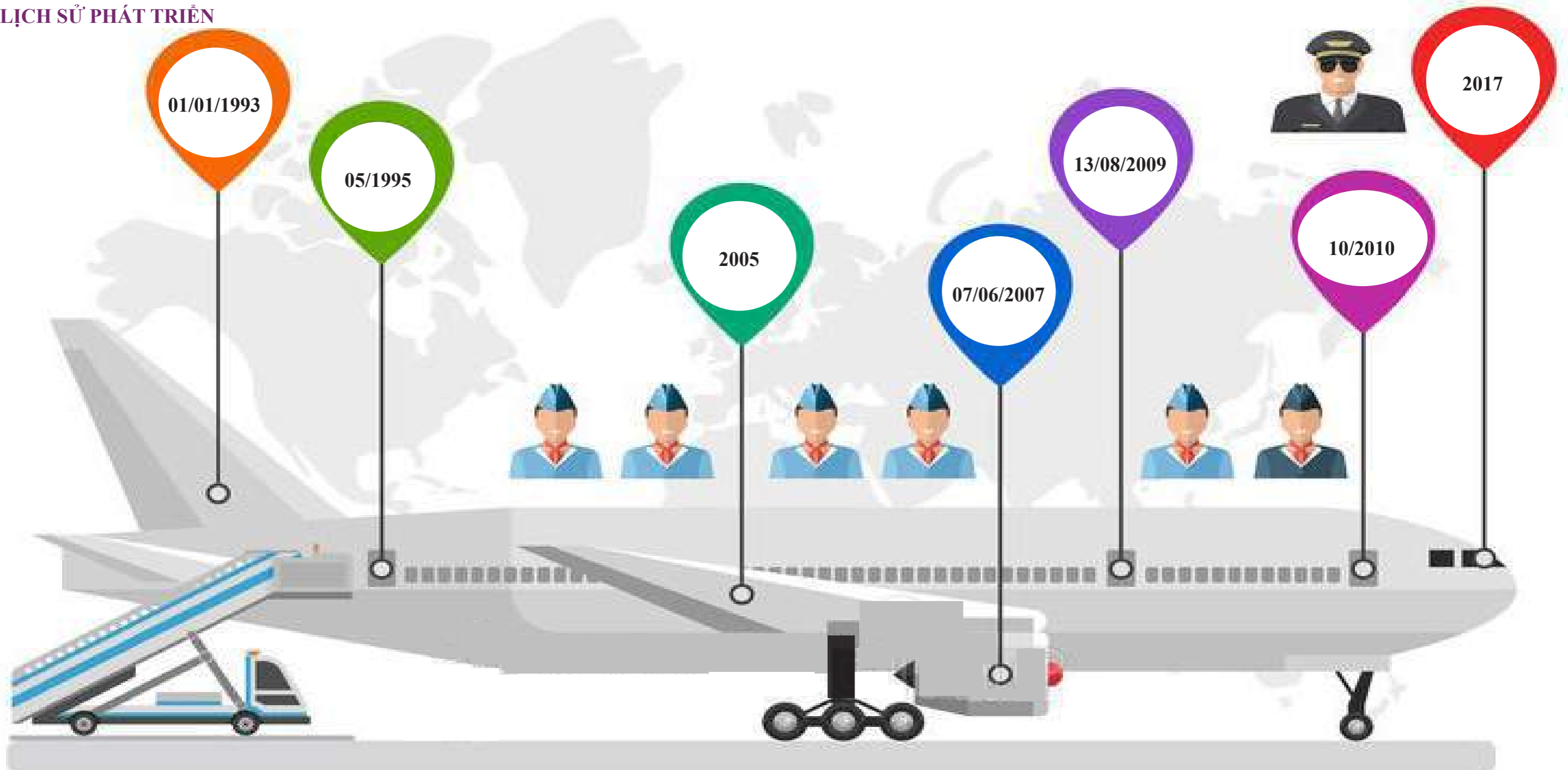
**Sáng tạo – Đa năng:**

Công ty luôn tìm tòi, nghiên cứu để tìm hiểu nhu cầu thị trường mới, thích nghi và nâng cao tính cạnh tranh để tiếp tục gia tăng thị phần và nâng cao vị thế.

## **CHƯƠNG II. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP**

- I. Lịch sử phát triển**
- II. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**
- III. Thông tin về ban lãnh đạo, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

## I. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



01/01/1993

Tiền thân của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài là doanh nghiệp Nhà nước mang tên Công ty Dịch vụ Cùm cảng Hàng không sân bay miền Bắc (tên giao dịch tiếng Anh là NORTHERN AIRPORT SERVICES COMPANY, viết tắt là NASCO) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động. Công ty được đổi tên thành Công ty Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NOIBAI AIRPORT SERVICES COMPANY – NASCO), trở thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.

05/1995

2005

Theo quyết định số 3978/QĐ-BGTVT ngày 21/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, NASCO được cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (Tên giao dịch tiếng Anh là NOIBAI AIRPORT SERVICES JOINT STOCK COMPANY, viết tắt là NASCO).

07/06/2007

Trở thành Công ty đại chúng.

13/08/2009

Sau khi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, NASCO được Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ký quyết định trao tặng Huân chương lao động hạng nhì.

Tháng 10/2010

Tăng vốn điều lệ lên 83.157.640.000 đồng thông qua phát hành chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

2017

8.315.764 cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM với giá tham chiếu 28.000 đồng/cổ phiếu.

## II. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không  
Vận chuyển hàng hóa, hành khách trong sân đỗ máy bay  
Dịch vụ vận tải mặt đất; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa  
Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách đi máy bay của các hãng hàng không trong nước và quốc tế  
Dịch vụ làm thủ tục hàng không tại thành phố  
Kinh doanh hàng miễn thuế phục vụ khách xuất, nhập, quá cảnh  
Dịch vụ lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không  
Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại hàng không

### Địa bàn kinh doanh:

Hiện tại Nasco hoạt động chủ yếu tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài với các sản phẩm dịch vụ như:

Dịch vụ thương mại, tổng hợp: Kinh doanh hàng bách hóa, mỹ nghệ, dịch vụ nhà hàng ăn uống, giải khát,.. phục vụ khách đi máy bay qua Cảng hàng không.

Dịch vụ vận tải ô tô: Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô trong sân đỗ máy bay, phục vụ người lao động của các đơn vị làm việc tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài và hành khách có nhu cầu khác.





### III. THÔNG TIN VỀ BAN LÃNH ĐẠO, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

#### 3.1. Ban lãnh đạo

##### 3.1.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Lê Đức Cảnh	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Vũ Ngọc Sơn	Ủy viên
3	Bà Hà Thị Thu Nga	Ủy viên
4	Ông Trần Việt Phương	Ủy viên
5	Ông Nguyễn Văn Thắng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24/06/2020)
6	Bà Phan Diễm Anh	Ủy viên

##### a. Ông Lê Đức Cảnh – Chủ tịch HĐQT

Họ tên	Lê Đức Cảnh
Giới tính	Nam
Năm sinh	1972
Trình độ học vấn	Thạc sỹ
Sở hữu cổ phiếu NAS	0
Chức vụ khác	Trưởng Ban ĐTMS Tổng công ty hàng không Việt Nam

##### b. Ông Vũ Ngọc Sơn - Thành viên HĐQT

Họ và tên:	Vũ Ngọc Sơn
Ngày sinh:	07/02/1960
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân hành chính, Cử nhân ngoại ngữ, Trung cấp Quản lý Khách sạn nhà hàng
Sở hữu cá nhân	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 %
Sở hữu đại diện	900376 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10.83 %
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 %
Chức vụ khác	Trợ lý Chủ tịch HĐQT – Tập đoàn Liên Thái Bình Dương (IP-PGROUP)

##### c. Ông Trần Việt Phương – Thành viên HĐQT

Họ tên	Trần Việt Phương
Năm sinh	1974
Học vấn	Thạc sỹ chuyên ngành quản lý kinh tế
Sở hữu cổ phiếu NAS	0 cổ phần
Chức vụ khác	Được ủy quyền là “Người công bố thông tin” của NASCO kể từ ngày 01/09/2018

##### d. Bà Phan Diễm Anh – Thành viên HĐQT

Họ và tên:	Phan Diễm Anh
Ngày sinh:	1970
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính kế toán
Số cổ phần đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	771.120 cổ phiếu
Chức vụ khác	Trưởng Ban Kiểm tra kiểm toán – Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.

##### e. Bà Hà Thị Thu Nga – Thành viên HĐQT

Họ và tên	Hà Thị Thu Nga
Năm sinh	1980
Trình độ học vấn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Số cổ phần đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	771.120 cổ phần, chiếm 9,27% vốn điều lệ
Chức vụ khác	Phó trưởng Phòng dịch vụ mặt đất – Ban Dịch vụ hành khách Tổng Công ty Hàng không Việt Nam

##### f. Ông Nguyễn Văn Thắng – Thành viên HĐQT

Miễn nhiệm ngày 24/06/2020 theo Nghị quyết số 63/NQ-NASCO/ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty

##### 3.1.2. Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Trường Thi	Thành viên
3	Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	Thành viên

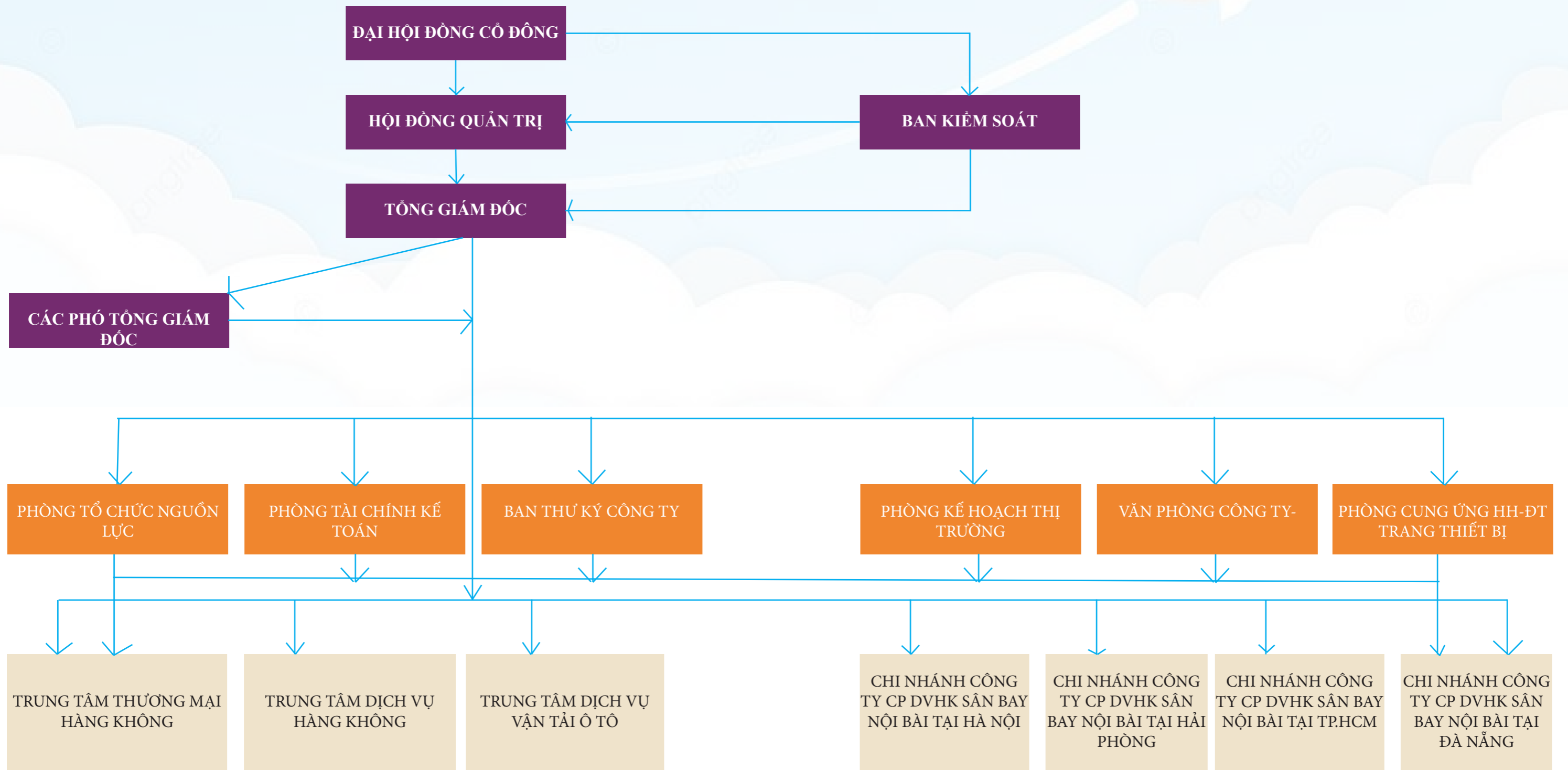
##### 3.1.3. Ban Tổng giám đốc

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Trần Việt Phương	Tổng Giám đốc
2	Ông Đặng Huy Khôi	Phó Tổng Giám đốc (Đã về hưu 01/06/2020)
3	Ông Trần Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc

##### Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban
-------------------------	------------

3.2. Sơ đồ mô hình tổ chức hoạt động Công ty



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

**Đại hội đồng cổ đông**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

**Hội đồng quản trị**

Là cơ quan quản lý trực tiếp tại Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật; có toàn quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề của Đại hội đồng cổ đông;

**Ban kiểm soát**

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

**Ban Tổng Giám đốc**

Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

**Các phòng chức năng**

**a. Phòng Tổ chức nguồn lực**

Là cơ quan tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc về lĩnh vực tổ chức và phát triển nguồn nhân lực; quản trị hành chính doanh nghiệp; có chức năng nhiệm vụ:

- ☛ Tham mưu về tổ chức hoạt động các phòng ban, nhân sự theo mô hình công ty;
- ☛ Lên kế hoạch tuyển dụng và phát triển nhân lực;
- ☛ Quản lý tài liệu, tổ chức các hoạt động công đoàn, chương trình đoàn thể;
- ☛ Công tác lao động tiền lương, chế độ BHXH, BHYT, bảo hộ lao động;
- ☛ Tổ chức, quản lý theo dõi kiểm tra các công tác liên quan đến trật tự, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh...

**b. Phòng Tài chính Kế toán**

Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực tài chính và kế

toán; có chức năng nhiệm vụ, quyền hạn:

- ☛ Công tác tài chính, kế toán;
- ☛ Công tác quản lý tài sản, nguồn vốn;
- ☛ Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ;
- ☛ Công tác quản lý chi phí và phân tích hoạt động kinh tế;

**c. Phòng Kế hoạch Thị trường**

Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc về lĩnh vực thị trường và kế hoạch kinh doanh, có chức năng nhiệm vụ, quyền hạn:

- ☛ Xây dựng chiến lược kinh doanh và phát triển thị trường;
- ☛ Công tác kế hoạch và đầu tư;
- ☛ Công tác thống kê, tổng hợp, điều độ sản xuất kinh doanh và đầu tư;
- ☛ Công tác đấu thầu, quản lý theo dõi hợp đồng kinh tế;
- ☛ Tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh;
- ☛ Kiểm tra, giám sát các đơn vị

**d. Phòng Cung ứng HH-ĐT trang thiết bị**

Là đơn vị hỗ trợ Tổng Giám đốc đảm bảo việc

cung ứng hàng hóa cho các đơn vị kinh doanh, thực hiện các dự án đầu tư theo phân cấp, có chức năng, nhiệm vụ:

- ☛ Thực hiện công tác về cung ứng hàng hóa
- ☛ Thực hiện việc khai thác, cung ứng các nguồn hàng, sản phẩm dịch vụ, hàng hóa, thực phẩm, vật tư, nguyên nhiên vật liệu
- ☛ Thực hiện thủ tục xuất, nhập khẩu; cung ứng hàng hóa
- ☛ Quản lý, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế và làm sạch cơ sở vật chất
- ☛ Thực hiện công tác về đầu tư- trang thiết bị
- ☛ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

**e. Ban Thư ký Công ty**

Là cơ quan giúp việc trực tiếp của Hội đồng quản trị, có chức năng, nhiệm vụ:

- ☛ Soạn thảo các tài liệu phục vụ cuộc họp công ty;
- ☛ Tổ chức các cuộc họp trong công ty;
- ☛ Ghi chép và lập các biên bản các cuộc họp;
- ☛ Tư vấn HĐQT về thủ tục các cuộc họp HĐQT;
- ☛ Thực hiện bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

**f. Văn phòng công ty**

Là cơ quan tham mưu giúp việc cho Ban chấp hành Đảng bộ Công ty, Tổng Giám đốc, Ban chấp hành công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty, có chức năng, nhiệm vụ:

- ☛ Thực hiện các nhiệm vụ về công tác đoàn thanh niên
- ☛ Thực hiện các nhiệm vụ về công tác đảng



### 3.3 . Công ty con, công ty liên kết

#### Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO	Sân bay Quốc tế Nội Bài xã Phú Minh Huyện Sóc Sơn Thành phố Hà Nội	122.000.000.000	49,12%	Vận chuyển hàng hóa



#### Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	10.500.000.000	16%	Vận tải hành khách



## IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### a. Chiến lược kinh doanh:

Nâng cao chất lượng, giữ vững và tiếp tục tăng quy mô các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, đồng thời, nghiên cứu và phát triển những ngành kinh doanh mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng

Tổ chức lại hoạt động kinh doanh của các Nhà hàng, các bộ phận của các đơn vị đảm bảo kinh doanh có hiệu quả:

- Nghiên cứu, triển khai áp dụng thực tế các mô hình và phương thức kinh doanh mới theo xu thế hiện đại, hiện đại kết hợp với truyền thống tại các điểm kinh doanh mới được nhượng quyền để đáp ứng kịp thời sự thay đổi nhu cầu và phong cách tiêu dùng của khách hàng tại Cảng hàng tại CHKQTNB, khắc phục hạn chế về lợi thế vị trí kinh doanh.

- Áp dụng phương thức giao chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả hơn, nâng cao quyền tự chủ hơn đối với các nhà hàng, dần dần áp dụng rộng rãi tới các điểm kinh doanh khác để phù hợp tiến trình tái cơ cấu các lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả của Công ty, phù hợp với định hướng của Tổng công HKVN-CTCP

Đối với Công ty Cổ phần Taxi NASCO: Mở rộng kinh doanh dịch vụ Taxi, minibus và các dịch vụ gia tăng khác như: dịch vụ kê khai hải quan, dịch vụ đưa đón khách VIP.

Đối với Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO: Phát triển mở rộng mạng lưới dịch vụ chuyển phát hàng hóa, liên kết với các đối tác nước ngoài để nối dài dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế. Triển khai các thủ tục pháp lý cần thiết để thực hiện đầu tư xây dựng các nhà ga hàng hóa tại khu vực sân bay Quốc tế Nội Bài.

### b. Chiến lược đầu tư:

Đầu tư cả chiều rộng và chiều sâu đảm bảo nguồn tài chính tăng trưởng bền vững và lành mạnh, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

Định hướng về đầu tư:

- Đầu tư cải tạo, mở rộng các điểm kinh doanh của Công ty tại khu vực nhà ga hành khách T1, T2 nhất là các điểm kinh doanh chủ chốt của Công ty.

- Đầu tư thay thế trang thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện vận tải phục vụ sản xuất kinh doanh đặc biệt là các phương tiện phục vụ khách trong sân đỗ tàu bay.

Định hướng về chính sách vốn:

- Sử dụng tối đa các nguồn vốn hiện có từ vốn đầu tư của chủ sở hữu, các nguồn quỹ và lợi nhuận để lại chưa phân phối; các nguồn vốn ngắn hạn từ các nhà cung cấp; quản lý tốt công nợ. Trong trường hợp cần thiết có thể huy động thêm nguồn vốn vay thương mại, xã hội hóa nguồn vốn đầu tư.

- Tăng vốn đầu tư chủ sở hữu (vốn điều lệ) thông qua phát hành cổ phiếu để đảm bảo cho hoạt động đầu tư của Công ty.

### c. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực:

Nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực ngoại ngữ cho cán bộ nhân viên, người lao động toàn công ty, xây dựng và phát triển thái độ phục vụ, tác phong làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả nhằm xây dựng thương hiệu NASCO uy tín và chuyên nghiệp.

### d. Chiến lược khoa học công nghệ:

Tiên phong và dẫn đầu; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý kinh doanh;

Tích cực ứng dụng công nghệ mới vào quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ nhằm giảm thời gian chờ đợi của khách hàng, nâng cao hình thức và chất lượng phục vụ.

## V. CÁC RỦI RO

### 5.1. Rủi ro về dịch bệnh Covid-19

**Đ**ại dịch Covid-19 đã và đang tác động nghiêm trọng tới ngành Hàng không thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Thiệt hại của ngành hàng không nước ta do ảnh hưởng của dịch Covid-19 là rất nghiêm trọng, số lượng hành khách và hàng hóa vận chuyển đều sụt giảm mạnh. Trong 9 tháng năm 2020, số lượng hành khách vận chuyển bằng đường hàng không chỉ đạt 22,5 triệu lượt khách, giảm 45,5% và luân chuyển 25,4 tỷ lượt khách.km, giảm 55,9%; vận chuyển hàng hóa đạt 196,6 nghìn tấn, giảm 39,4% và 2,6 tỷ tấn.km, giảm 54,2%. Do việc khai thác các chuyến bay bị hạn chế, doanh thu của các hãng hàng không giảm mạnh.

Tuy nhiên, trước bối cảnh dịch Covid-19 đang được kiểm soát tốt tại Việt Nam cũng như một số nước trên thế giới, từ trung tuần tháng 9/2020, các hãng hàng không công bố mở lại và tăng tần suất nhiều chuyến bay nội địa, khôi phục một số tuyến bay thương mại quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại của hành khách, góp phần kết nối giao thương và duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong tháng 10/2020, vận chuyển hành khách bằng đường hàng không tăng 25,1% so với tháng trước và vận chuyển hàng hóa tăng 21,8%. Đây là một tín hiệu tích cực cho thấy ngành hàng không đang dần hồi phục, trong đó chủ yếu là đóng góp của thị trường hàng không nội địa. Mặc dù vậy, số lượng hành khách vận chuyển bằng đường hàng không tính chung 10 tháng năm 2020 vẫn giảm 44,6% và luân chuyển giảm 56,4%; vận chuyển hàng hóa giảm 38,5% và giảm 55,2% so với cùng kỳ năm trước. Điều

này cho thấy hàng không Việt Nam vẫn còn đối mặt với rất nhiều khó khăn, đòi hỏi các hãng hàng không phải tự nỗ lực tìm kiếm cơ hội cho mình.

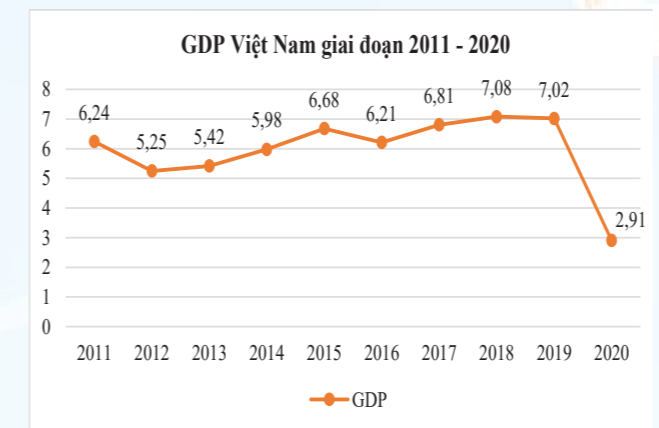
Trước vòng xoáy này, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng nặng nề, Ban lãnh đạo công ty đã nhanh chóng lập kế hoạch khắc phục khó khăn và duy trì hoạt động kinh doanh.

### 5.2. Rủi ro về kinh tế - chính trị toàn cầu

**K**inh tế Việt Nam 2020: Một năm tăng trưởng đầy bản lĩnh  
 Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP ước tính đạt 2,91%.

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới; xung đột thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn. Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội”, kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2020 đạt

thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới.



#### Triển vọng 2021:

Nhu cầu đi lại gia tăng: Với việc kiểm soát tốt dịch Covid 19, hoạt động sản xuất của Việt Nam đã hồi phục đáng kể với chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2020 hồi phục rất tốt với mức tăng 4,7% so với 2019 và chỉ tăng 2% so với cùng kỳ tại thời kỳ 5T.2020. Kéo theo đó là nhu cầu giao thương, đi lại cũng sẽ tăng trở lại.

Năm 2021 dự báo sẽ là năm hồi phục mạnh của nền kinh tế Việt Nam. Chính phủ đặt mục tiêu GDP tăng 6,5%, các tổ chức như S&P Global, World Bank dự báo GDP 2021 của Việt Nam tăng trưởng lần lượt 10,9% và 6,8% nhờ kiểm soát dịch bệnh tốt. Như vậy, nhu cầu đi lại được kỳ vọng sẽ phục hồi mạnh mẽ.

### 5.3. Rủi ro về lãi suất và tỷ giá

**C**ông ty có các giao dịch hoạt động tiền gửi và tiền vay đối với các tổ chức tín dụng trong nước. Khi có sự biến động tăng lãi suất, Công ty sẽ phải chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã ký kết. Tuy nhiên, rủi ro này đã được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

- Công ty có mua hàng hóa từ các nhà cung cấp ngoài nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của Công ty có dòng tiền thu vào và chi ra bằng đô la (USD) vì vậy khi tỷ giá hối đoái biến động làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến để lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ.

### 5.4. Rủi ro khác

**N**goài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của động đất, lũ lụt, hỏa hoạn ... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại đến tài sản cũng như làm gián đoạn hoạt động kinh doanh. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty. Để quản trị những rủi ro này, Công ty thường xuyên tuyên truyền, tập huấn cho CBCNV kỹ năng phòng cháy chữa cháy, mua bảo hiểm cho tài sản Công ty, ...

## VI. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY TRONG NGÀNH

### ĐIỂM MẠNH

NASCO là doanh nghiệp uy tín trong việc cung cấp các dịch vụ tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài. Công ty đã đạt được thị phần nhất định tại Cảng hàng không, cơ sở vật chất được đầu tư và khai thác có hiệu quả. Doanh nghiệp có dịch vụ tốt, nhiều chính sách hỗ trợ, chuyên nghiệp và trách nhiệm với khách hàng. Dịch vụ đóng gói hàng hóa, hành lý giúp khách hàng khắc phục các vấn đề kỹ thuật về hành lý, đảm bảo an toàn tài sản, phù hợp với yêu cầu của nhà vận chuyển hàng không. NASCO là doanh nghiệp có uy tín tại Sân bay quốc tế Nội Bài trong lĩnh vực bảo dưỡng và sửa chữa các dòng xe ô tô từ 5 - 47 chỗ ngồi, xe tải nhẹ, xe đầu kéo và xe đặc chủng sân thấp chở khách trong sân đỗ tàu bay

Công ty nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, phối hợp của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam trong quá trình hoạt động kinh doanh. Việt Nam là nước đang phát triển, Nhà nước đang định hướng cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ do đó càng nhiều khách thăm quan đến Việt Nam, vì vậy lưu lượng khách qua Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài tiếp tục tăng.

### CƠ HỘI

### ĐIỂM YẾU

- Công ty phải triển khai đầu tư các điểm kinh doanh, chi phí đầu tư và chi phí thuê mặt bằng dự kiến tăng cao.
- Hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc phần lớn vào hoạt động của sân bay Nội Bài. Năm vừa qua, hoạt động sân bay Nội Bài bị gián đoạn, kéo theo gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Thị phần bị chia sẻ: Một số loại hình kinh doanh trước đây có nhiều lợi thế như: bán hàng miễn thuế; lưu niệm, ăn uống giải khát tại khu vực sảnh công cộng, vận chuyển khách bằng sân đỗ máy bay sẽ chịu tác động bất lợi do vị trí kinh doanh. Nhà ga T1 được quy hoạch lại là nguy cơ chia sẻ thị phần của NASCO và phát sinh chi phí đầu tư cải tạo các điểm kinh doanh tại Nhà ga T1. Cảng hàng không quốc tế Nội Bài cổ phần hóa, NASCO có thêm nhiều đối thủ có tiềm lực tài chính đầu tư vào dịch vụ phi hàng không nhất là lĩnh vực kinh doanh miễn thuế, ăn nhanh giải khát.
- Thách thức về yếu tố dịch bệnh: Dịch bệnh Covid-19 đã giáng một cú sốc mạnh vào nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng. Do Chính phủ áp dụng những biện pháp hạn chế đi lại để phòng chống dịch bệnh, chính sách này ảnh hưởng trực tiếp đến các dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách, dịch vụ ăn uống, mua sắm tại sân bay của Công ty.

### THÁCH THỨC

## 2. Vị thế:



Công ty luôn được xếp hạng doanh nghiệp loại A với sự tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, thu nộp ngân sách nhà nước, tạo được việc làm và thu nhập cao đối với người lao động. Trong ngành hàng không hiện nay, trên các lĩnh vực dịch vụ:

- ✦ Dịch vụ vận chuyển khách sân đỗ tàu bay tại sân bay Nội Bài: Là doanh nghiệp hàng đầu trong vận chuyển bằng xe chở khách chuyên dụng.
- ✦ Dịch vụ phòng khách thương gia: Là doanh nghiệp có phòng chờ thương gia nội địa xếp thứ 2 trong hệ thống phòng chờ liên minh Sky Team, phòng chờ quốc tế xếp hạng nhất tại sân bay Nội Bài.
- ✦ Dịch vụ bán hàng miễn thuế: Là doanh nghiệp xếp hạng thứ 2 trong số 03 doanh nghiệp.
- ✦ Dịch vụ bán hàng bách hóa và lưu niệm tại nhà ga hành khách T1 và T2: Là doanh nghiệp có tổng diện tích kinh doanh chiếm 36% tổng diện tích mặt bằng kinh doanh phi hàng không.
- ✦ Dịch vụ nhà hàng ăn uống tại T1 chiếm 36% diện tích kinh doanh tại nhà ga T1.
- ✦ Dịch vụ vận chuyển xe tuyến: Là doanh nghiệp hàng đầu chuyên chở toàn bộ công nhân viên các đơn vị thuộc tổng công ty HKVN tại Nội Bài và một số doanh nghiệp lớn không thuộc VN.





### **CHƯƠNG III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

- I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**
- II. Tổ chức và nhân sự**
- III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**
- IV. Tình hình tài chính**
- V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

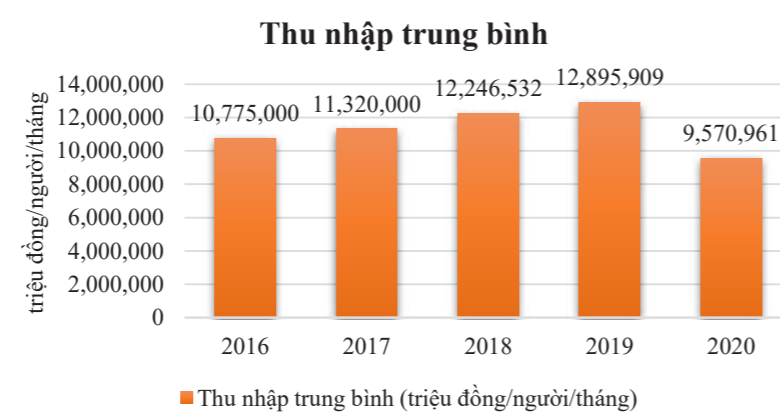
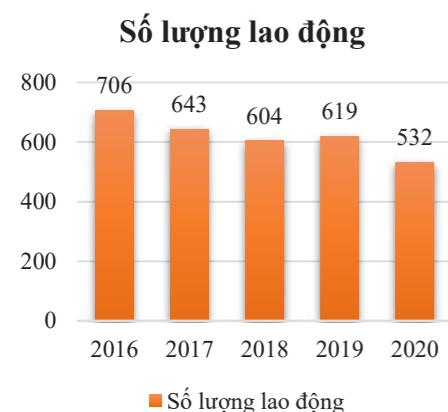


## 2.3. Nhân sự và chính sách nhân sự

### 2.3.1. Thống kê nhân sự

Tính đến 31/12/2020, Công ty có 532 lao động ký Hợp đồng trực tiếp với Công ty. Trong đó:

STT	Tiêu chí	Số lượng năm 2019 (người)	Số lượng năm 2020 (người)	Tỷ trọng 2020 (%)
<b>I Theo trình độ lao động</b>				
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	240	216	40,6
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	89	78	14,66
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	232	197	37,03
4	Lao động phổ thông	58	41	7,7
<b>II Theo đối tượng lao động</b>				
1	Lao động trực tiếp	432	375	70,49
2	Lao động gián tiếp	187	157	29,51
<b>III Theo giới tính</b>				
1	Nam	270	236	44,36
2	Nữ	349	296	55,64
<b>Tổng cộng</b>		<b>619</b>	<b>532</b>	<b>100</b>



### 2.3.2. Chính sách lao động

#### Chính sách về trợ cấp:

Ngoài tiền lương, thưởng, cán bộ công nhân viên tại NASCO còn được hưởng các khoản trợ cấp, phụ cấp khác tùy thuộc vào đặc thù công việc, vị trí công tác, năng lực của mỗi người (như phụ cấp điện thoại, xăng dầu, công tác phí,...).

Công tác chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên luôn được quan tâm. Hàng năm cán bộ, công nhân viên đều được khám sức khỏe định kỳ. Người lao động ốm dài ngày, mắc bệnh hiểm nghèo cũng được Công ty trợ cấp. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn quan tâm đến thân nhân, gia đình người lao động, thường xuyên có các hoạt động hỗ trợ những gia đình có người thân đau ốm, hiếu, hi,...

#### Chính sách thu hút đào tạo nguồn nhân lực:

Với môi trường làm việc chuyên nghiệp, chính sách đãi ngộ người lao động hợp lý, NASCO đã có được nguồn nhân lực có năng lực và kinh nghiệm. Bên cạnh đó, quá trình tuyển dụng, đào tạo của Công ty được xây dựng khoa học và linh hoạt. Việc tuyển dụng lao động của Công ty được thực hiện qua các phương tiện thông tin đại chúng, website Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài trong năm 2020 đã tổ chức tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ và quản lý cho cán bộ, công nhân viên và người lao động trong Công ty. Cụ thể:

- Đào tạo chứng chỉ An Ninh Hàng không cho nhân viên làm việc tại Cảng HKQT Nội Bài.
- Đào tạo chứng chỉ lái xe sân đỗ cho lái xe chờ khách trong sân đỗ tàu bay.
- Đào tạo chứng chỉ ATVSLĐ, chứng chỉ PCCC.
- Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho chuyên viên, nhân viên làm công tác chuyên môn nghiệp vụ....

**Chính sách về lương, thưởng:** Quy chế tiền lương, thưởng của Công ty được ban hành trên tinh thần đảm bảo công bằng, minh bạch, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty và tạo động lực, nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm đối với công việc.

Thu nhập của người lao động tại Công ty là thu nhập theo tháng, dựa trên mức thu nhập Công ty trích, nộp các khoản kinh phí Công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, thuế Thu nhập cá nhân cho cán bộ, công nhân viên.

Mức lương trung bình của người lao động tại NASCO luôn được duy trì ổn định và tăng theo từng năm:

STT	Tiêu chí	2016	2017	2018	2019	2020
1	Số lượng lao động (người)	706,00	644	613	619	532
2	Thu nhập/lương trung bình (triệu đồng/người/tháng)	10.775.000	11.320.000	12.246.532	12.895.900	9.570.916

### III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

#### 1. Tình hình đầu tư, cải tạo tài sản Công ty

Tổng mức đầu tư – xây dựng cơ bản kế hoạch năm 2020 là: hơn 320 tỷ đồng. Chi tiết:

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Tên dự án	Tên nhà đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Quy mô dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư dự án	Thời gian và tiến độ thực hiện dự án
1	Đầu tư 04 xe ô tô sân thấp chở khách hạng C trong sân đỗ tàu bay	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	Thay thế phương tiện đã hết niên hạn sử dụng	4 xe ô tô sân thấp	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	50.609	T9/2019 đến T5/2020
2	Dự án đầu tư 03 xe chở khách hạng C trong sân đỗ tàu bay	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	Thay thế phương tiện đã hết niên hạn sử dụng	3 xe ô tô sân thấp	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	40.921	T12/2019 đến T7/2020
3	Dự án đầu tư 02 xe chở khách hạng Y trong sân đỗ tàu bay	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	Thay thế phương tiện đã hết niên hạn sử dụng	2 xe ô tô sân thấp	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	27.771	T9/2019 đến T5/2020
5	Xây dựng hệ thống KPI	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	Nâng cao năng lực quản lý của DN		Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	550	
6	Cải tạo trụ sở NASCO thành trung tâm Briefing cho phi công và tiếp viên của VNA tại Nội bài	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	Cải tạo một phần khu văn phòng phục vụ mục đích cho thuê		Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	33.301	
7	Cải tạo nâng cấp phòng C Quốc tế	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	Nâng cao chất lượng dịch vụ (CLDV)		Nhà ga T2, sân bay QT Nội Bài	12.200	T12/2019 đến T6/2020
8	Cải tạo nâng cấp phòng C Nội địa	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	Nâng cao CLDV		Nhà ga T1, sân bay QT Nội Bài	7.500	T12/2019 đến T6/2020

#### 1. Tình hình đầu tư, cải tạo tài sản Công ty (tiếp)

Stt	Tên dự án	Tên nhà đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Quy mô dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư dự án	Thời gian và tiến độ thực hiện dự án
9	Phòng C Nội địa mở rộng	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	Mở rộng quy mô đối với DV kinh doanh cốt lõi		Nhà ga T1, sân bay QT Nội Bài	6.000	T12/2019 đến T6/2020
10	4 xe sân thấp chở khách hạng Y trong sân đỗ tàu bay	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	Thay thế phương tiện đã hết niên hạn sử dụng	04 xe sân thấp	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	42.000	T9/2020 đến T9/2021
11	Đầu tư mới xe tuyến 45 chỗ ngồi trở lên	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	Thay thế phương tiện đã hết niên hạn sử dụng	05 xe trên 45 chỗ	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	17.750	T10/2020 đến T6/2021
12	Thay thế 3 xe tải nhẹ dùng để vận chuyển hàng hóa	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	Thay thế phương tiện đã hết niên hạn sử dụng	03 xe tải nhẹ	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	2.250	T4/2020 đến T9/2020
13	Đầu tư trang thiết bị lẻ	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài			Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	5.430	
14	Cải tạo nhà hàng tầng 4	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	Nâng cao CLDV		Nhà ga T1, sân bay QT Nội Bài	3.338	T4/2020 đến T9/2020
15	Cải tạo Nhà hàng Quốc tế nhà ga T2 thành khu phức hợp	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	Nâng cao CLDV		Nhà ga T2, sân bay QT Nội Bài	830	T7/2020 đến T10/2020
16	Đầu tư phòng khách hạng thương gia Quốc tế	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	Mở rộng quy mô đối với DV kinh doanh cốt lõi	830m2	Nhà ga T2, sân bay QT Nội Bài	29.800	T12/2020 đến T12/2021

## 1. Tình hình đầu tư, cải tạo tài sản Công ty (tiếp)

Stt	Tên dự án	Tên nhà đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Quy mô dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư dự án	Thời gian và tiến độ thực hiện dự án
17	Cải tạo tầng 3, 4 thành khu làm việc cho 1 số đơn vị của VNA, xây bổ sung mặt bằng làm việc	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài			Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	-	T5/2020 đến T12/2020
18	Xây mới phòng khách thương gia Nội địa	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	Mở rộng quy mô đối với DV kinh doanh cốt lõi	117m2	Nhà ga T1, sân bay QT Nội Bài	4.118	T8/2020 đến T12/2020
19	Xây mới phòng khách thương gia Nội địa	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	Mở rộng quy mô đối với DV kinh doanh cốt lõi	200m2	Nhà ga T1, sân bay QT Nội Bài	7.040	T8/2020 đến T12/2020
20	XD cửa hàng kinh doanh tại nhà ga T2	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	Mở rộng quy mô kinh doanh	36m2	Nhà ga T2, sân bay QT Nội Bài	842	T12/2020 đến T6/2021
21	Xây dựng, cải tạo nhà kho hàng hóa tại Long Biên	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	Mở rộng quy mô kinh doanh	Tổng DT 3500m2, DT quy hoạch xây dựng 2200m2	Long Biên, Hà Nội	27.100	T12/2020 đến T6/2021
22	Xây dựng cơ bản khác	Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài			Công ty CP DVHK sân bay Nội Bài	1.200	
<b>Tổng mức đầu tư trong năm 2020</b>						<b>320.550</b>	

## 2. Tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết năm 2020

### 2.1. Tình hình đầu tư tài chính của NASCO tại các công ty con, công ty liên kết

Đơn vị: triệu đồng

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 1/1/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>1. Đầu tư vào công ty con</b>	-	-	-	-	-	-
<i>CTCP Giao nhận hàng hóa NASCO</i>						
<b>2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	517	-	-	669	-	-
<i>CTCP Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam</i>						
<b>3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	96.694	127.935	-	96.694	132.504	
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài</i>	6.694	127.935	-	6.694	132.504	

Đầu tư của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam tại ngày 31/12/2020 giảm so với đầu kỳ 152 triệu đồng, tương ứng 22,7%. Các mục đầu tư khác đều thực hiện đúng với đầu năm 2020.

### 2.2. Tình hình hoạt động tại công ty con, công ty liên kết

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Thực hiện 2020/2019
1	Tổng tài sản	347.142	373.190	108%
2	Doanh thu thuần	434.917	200.546	46%
9	Lợi nhuận trước thuế	32.112	108	1%
10	Lợi nhuận sau thuế	27.291	183	1%

## IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2019	2020/2019
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	445.793	430.493	104%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	338.573	595.423	57%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(319)	38166	(1)%

### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>					
Hệ số thanh toán ngắn hạn = TSNH/NNH	Lần	1,19	1,28	1,27	1,03
Hệ số thanh toán nhanh = (TSNH-HTK)/NNH	Lần	1,08	1,21	0,98	0,91
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>					
Tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản	%	44,11	45,00	55,52	57,25
Tỷ lệ Nợ / VCSH	%	78,91	83,00	124,83	133,9
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>					
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	22,68	39,95	11,25	7,00
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Vòng	1,52	1,53	1,25	0,77
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>					
ROS	Lần	5,34	5,00	6,27	-
ROE	Lần	14,49	17,54	17,68	-
ROA	Lần	8,1	9,60	7,86	-
LNHĐKD/DTT	Lần	5,57	7,00	7,19	-

#### Đánh giá:

Khả năng thanh toán của Công ty được đảm bảo an toàn với chỉ số thanh toán hiện hành và thậm chí do ảnh hưởng của đại dịch covid, chỉ số thanh toán nhanh trong 2 năm gần đây vẫn luôn ở mức xấp xỉ 1. Nghĩa là Công ty đủ khả năng trả các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Tuy nhiên, đứng trước tình hình chung của ngành Hàng không, chỉ tiêu năng lực hoạt động và khả năng sinh lời của Công ty năm vừa qua chưa thực sự khả quan.

## V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### a. Cổ phần

Vốn điều lệ:	83.157.640.000 đồng
Số cổ phiếu đang lưu hành:	8.315.482 cổ phiếu
Số cổ phiếu niêm yết:	8.315.764 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ:	282 cổ phiếu

### b) Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Loại cổ đông	Số CMND	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ CP năm giữ (%)
1	Tổng công ty hàng không Việt Nam	Cổ đông Nhà nước	0100107518	4.241.160	51,00
2	Ông Đỗ Hữu Nghĩa	Cổ đông lớn	025404912	900,376	10,827

### c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2020: không có





### PHẦN III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- I. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh
- II. Cải tiến trong cơ cấu lao động, chính sách, quản lý
- III. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021



## I. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2020	TH năm 2020	TH 2020/TH 2019 (%)	TH 2020/KH 2020 (%)
<b>I</b>	<b>Kết quả kinh doanh công ty mẹ</b>					
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	248.888	226.634	50,7%	91,1%
2	Tổng chi phí	Tr.đ	248.888	226.526	54,6%	91,0%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	0	108	0,3%	
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đ	0	183	0,7%	
<b>II</b>	<b>Các chỉ tiêu khác</b>	Tr.đ				
1	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ				
	Vốn CSH bình quân trong năm của DN	Tr.đ	120.178	120.178	100%	100%
1.1	Vốn đầu tư của các CSH cuối kỳ báo cáo	Tr.đ	83.158	83.158	100%	100%
1.2	Thực hiện đầu tư trong kỳ	Tr.đ				
3	Thực hiện đầu tư trong kỳ	Tr.đ				
3.1	Đầu tư XDCB và TTB	Tr.đ				
	- Giá trị KL công việc hoàn thành	Tr.đ	112.111	87.524	164,3%	78,1%
	- Giá trị giải ngân	Tr.đ	115.052	87.166	230,8%	75,8%
3.2	Đầu tư vốn vào DN khác	Tr.đ	-3.780	0		0%
4	Tổng quỹ lương, tiền công thực hiện	Tr.đ	49.144	48.841		99,4%
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu hợp nhất</b>					
1	Tổng DT và thu nhập khác hợp nhất	Tr.đ	438.311	365.690	83,43%	61,41%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tr.đ	7.204	-212		

Năm 2020, do ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19 ngoài ra còn có các yếu tố về thị trường và hoạt động đầu tư: Thị trường vận tải hàng không tại Cảng HKQT Nội Bài cạnh tranh ngày càng gay gắt; thói quen mua sắm hàng hóa của khách hàng tại sân bay bị giảm sút nhiều. Doanh thu hợp nhất chỉ đạt 61,41 %, tuy nhiên Công ty vẫn đạt 91,1% so với kế hoạch về doanh thu tại công ty mẹ vẫn đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông. Bên cạnh đó, trong năm 2020, Công ty vẫn đang tiếp tục nghiên cứu, triển khai thử nghiệm các mô hình và phương thức kinh doanh mới theo xu thế hiện đại kết hợp với truyền thống tại các điểm kinh doanh mới được nhượng quyền để đáp ứng sự thay đổi nhu cầu và phong cách tiêu dùng của khách hàng. Các loại hàng hóa trong NASCO DUTY FREE SHOP đều được kiểm soát và giám sát chặt chẽ về chất lượng và nguồn gốc xuất xứ, phù hợp với các quy định Pháp luật Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế. Kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống cũng mang lại cho Công ty thêm nguồn thu với sự đầu tư của Công ty vào 03 nhà hàng: Nhà hàng Quốc Tế, Nhà hàng NASCO và nhà hàng Sen Vàng

## II. Cải tiến trong cơ cấu lao động, chính sách, quản lý

Đơn vị: triệu đồng



### Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất

Công ty tập trung đầu tư phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu:

**Về chiều rộng:** Đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh lĩnh vực hiện có của NASCO có khả năng phát triển như: Thay thế, đầu tư thêm phương tiện vận tải hành khách phục vụ vận chuyển CB-CNV, vận chuyển xe tuyến, phòng chờ hạng Thương gia đạt tiêu chuẩn 5\*. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý.

**Về chiều sâu:** Đầu tư đổi mới công nghệ, trang thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ. Tích cực ứng dụng công nghệ mới vào quy trình sản xuất, cung ứng dịch vụ và quản lý hoạt động kinh doanh hiệu quả.

### Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tăng cường công tác đào tạo, đa dạng hóa loại hình đào tạo, chú trọng công tác đào tạo và đào tạo nâng cao: Chú trọng công tác quy hoạch cán bộ để có đội ngũ cán bộ trẻ, có trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho người lao động.

Đánh giá thường xuyên về nguồn lực con người

để sắp xếp và phân bổ lao động có hiệu quả nhất. Xem xét việc cơ cấu lại hoạt động lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả, từ đó điều chỉnh lại chính sách lao động tại các điểm kinh doanh một cách hợp lý, hiệu quả. Nâng cao quỹ tiền lương, thu nhập bình quân và các chế độ phúc lợi cho NLĐ như: tăng chi phí về trang phục bảo hộ lao động, chi phí nghỉ mát, chi phí khám sức khỏe.

### Nâng cao chất lượng công tác quản lý.

Tăng cường quản công tác quản lý chất lượng theo hệ thống ISO 9001-2015. Duy trì chương trình 5S của Công ty. Hoàn thiện quy trình làm việc, nhiệm vụ cụ thể, giao chỉ tiêu đến từng bộ phận, cá nhân để nâng cao tính chủ động của đơn vị, cá nhân trong hoạt động kinh doanh; tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý để điều hành và quản lý Công ty; tổ chức giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy chế, quy định, nội quy, định mức của Công ty tại đơn vị.

Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ thống kê báo cáo. Giữ vững và phát triển thị phần những lĩnh vực kinh doanh chính tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài: Dịch vụ vận tải hành khách, kinh doanh hàng miễn thuế, phòng chờ hạng thương gia và kinh doanh nhà hàng - ăn uống.

Nghiên cứu thị trường để triển khai một số loại hình kinh doanh mới, thu hẹp những lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả; thiết kế sản phẩm - dịch vụ mới; nghiên cứu mở rộng kinh doanh ra ngoài thị trường truyền thống; đẩy mạnh công tác thị trường, xây dựng tính chuyên nghiệp; tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá truyền thông các loại hình dịch vụ của Công ty.

**Đối với Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO**

Phát triển mở rộng mạng lưới dịch vụ chuyển phát hàng hóa, liên kết với các đối tác nước ngoài để nối dài dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế. Triển khai các thủ tục pháp lý cần thiết để thực hiện đầu tư xây dựng các nhà ga hàng hóa tại khu vực sân bay Quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất.

**Đối với Công ty Cổ phần đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam**

Mở rộng kinh doanh dịch vụ Taxi tại nội thành Hà Nội và khu vực lân cận, dịch vụ đưa đón khách VIP.

Tăng cường công tác giám sát chất lượng dịch vụ: Kiểm soát chặt chẽ các khoản mục chi phí lớn (chi phí nguyên, nhiên liệu, vật tư, vốn hàng,...); tiết kiệm triệt để chi phí gián tiếp.

Nâng cao công tác quản trị chi phí, thường xuyên rà soát hoàn thiện các chỉ tiêu định mức kinh tế - kỹ thuật, hệ thống định lượng tại các Nhà hàng; tăng cường thực hành tiết kiệm; thực hiện nghiêm chỉnh các định mức kinh tế - kỹ thuật và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành; đầu tư thiết bị tiết kiệm năng lượng. Quản lý chặt chẽ nguồn vốn đầu tư ngoài doanh nghiệp khác, đảm bảo hiệu quả và bảo

**III. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021**

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2020	KH năm 2021	SS KH2021/TH2020	
				Số tuyệt đối	Số tương đối
<b>I</b>	<b>CÔNG TY MẸ</b>				
<b>1</b>	<b>Vốn CSH bình quân</b>	<b>122.928</b>	<b>122.928</b>	<b>0</b>	<b>100</b>
	Vốn đầu tư của các CSH cuối kỳ báo cáo	83.158	124.735	41.577	150
<b>2</b>	<b>Tổng Doanh thu và thu nhập khác (Không bao gồm DT nội bộ)</b>	<b>226.634</b>	<b>238.296</b>	<b>11.662</b>	<b>105</b>
a	Doanh thu từ hoạt động SXKD	200.546	217.666	17.121	109
b	Doanh thu từ HĐ tài chính và thu nhập khác	26.088	20.629	-5.459	79
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>108</b>	<b>109</b>	<b>1</b>	
	Trong đó:				
a	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	-15.789	-8.501	7.288	54
b	Lợi nhuận từ hoạt động khác	15.896	8.609	-7.287	54
<b>6</b>	<b>Lợi nhuận sau khi nộp thuế TNDN</b>	<b>183</b>	<b>109</b>	<b>-74</b>	
<b>7</b>	<b>Tỷ lệ LNST/VĐL (%)</b>	<b>0,22</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>8</b>	<b>Chia cổ tức (Tạm tính)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	Tỷ lệ cổ tức/VĐL(%) (Phần giá trị cổ phiếu đang lưu hành)	0	0	0	
<b>9</b>	<b>Tổng mức đầu tư trong năm</b>				
a	Đầu tư XDCB và TTB				
	- Giá trị KL công việc hoàn thành	87.524	84.478	-3.045	97
	- Giá trị giải ngân	87.166	45.973	-41.193	53
b	Đầu tư vốn vào DN khác	0	-3.780	-3.780	
<b>10</b>	<b>Tổng quỹ lương, tiền công</b>	<b>48.841</b>	<b>49.144</b>	<b>303</b>	<b>101</b>
<b>11</b>	<b>Lao động bình quân</b>	<b>417</b>	<b>446</b>	<b>29</b>	<b>107</b>
<b>II</b>	<b>CHỈ TIÊU HỢP NHẤT</b>				
1	Tổng DT và thu nhập khác hợp nhất	365.690	405.525	39.835	111
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	-212	906	1.118	-427



#### PHẦN IV. BÁO CÁO CỦA HĐQT

- I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2020
- II. Kế hoạch SXKD năm 2021, Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

## I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2020

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

#### 1.1. Tình hình chung



Dịch bệnh Covid 19 bùng phát cuối năm 2019, đầu năm 2020 ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt đời sống kinh tế, xã hội trên toàn thế giới nói chung và trong nước nói riêng. Do đó, hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2020 cũng gặp nhiều khó khăn.

Do ảnh hưởng của Covid 19, doanh thu hầu hết các lĩnh vực bị sụt giảm mạnh, nhất là các lĩnh vực kinh doanh tại khu vực nhà ga Quốc tế:

+ Sản lượng khách sử dụng dịch vụ sụt giảm so với cùng kỳ 2019 (khách hạng thương gia nội địa chỉ đạt 69%, khách hạng thương gia quốc tế đạt 14,5%, khách vận chuyển trong sân đỗ tàu bay: hạng Y đạt 96%, hạng C đạt 78% so với cùng kỳ 2019)

+ Doanh thu các điểm bán hàng miễn thuế xuất cảnh, lưu niệm tại T2 chỉ đạt 15-20% so với cùng kỳ do dừng hoạt động từ 01/04/2020 đến nay.

+ Các điểm kinh doanh tại nhà ga T1 doanh thu sụt giảm mạnh sau các đợt bùng phát dịch bệnh lần 2 tại Đà Nẵng.

+ Các điểm kinh doanh sảnh E dừng từ 15/08/2020 đến 31/12/2020 do tần suất các chuyến bay nội địa giảm mạnh.

Cảng HKQT Nội Bài tạm dừng khai thác Nhà ga hành khách nhưng vẫn thu 10% chi phí thuê mặt bằng trong thời gian tạm dừng gây khó khăn cho doanh nghiệp. Mặt khác, Công ty phải giải quyết việc làm, chế độ cho người lao động trong thời gian dịch bệnh.

Trong bối cảnh thị trường kinh doanh diễn biến phức tạp, khó lường, Công ty đã kịp thời triển khai nhiều giải pháp để khắc phục khó khăn, giảm thiểu ảnh hưởng của dịch bệnh như: Bố trí, sắp xếp hợp lý nguồn nhân lực; tìm kiếm giải pháp tăng doanh thu ngoài doanh thu chính cung cấp dịch vụ cho cổ đông Vietnam airlines; tiết giảm chi phí góp phần hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận ĐHĐCĐ giao.

Trong năm Công ty cũng thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid – 19, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ theo quy định của các cơ quan chức năng

### 1.2. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2020	TH năm 2020	TH 2020/TH 2019 (%)	TH 2020/KH 2020 (%)
<b>I Kết quả kinh doanh công ty mẹ</b>						
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	248.888	226.634	50,7%	91,1%
2	Tổng chi phí	Tr.đ	248.888	226.526	54,6%	91,0%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	0	108	0,3%	
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đ	0	183	0,7%	
<b>II Các chỉ tiêu khác</b>						
1	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ				
1.1	Vốn CSH bình quân trong năm của DN	Tr.đ	120.178	120.178	100%	100%
1.2	Vốn đầu tư của các CSH cuối kỳ báo cáo	Tr.đ	83.158	83.158	100%	100%
3	Thực hiện đầu tư trong kỳ	Tr.đ				
3.1	Đầu tư XDCB và TTB	Tr.đ				
	- Giá trị KL công việc hoàn thành	Tr.đ	112.111	87.524	164,3%	78,1%
	- Giá trị giải ngân	Tr.đ	115.052	87.166	230,8%	75,8%
3.2	Đầu tư vốn vào DN khác	Tr.đ	-3.780	0		0%
4	Tổng quỹ lương, tiền công thực hiện	Tr.đ	49.144	48.841		99,4%
<b>III Chỉ tiêu hợp nhất</b>						
1	Tổng DT và thu nhập khác hợp nhất	Tr.đ	438.311	365.690	83,43%	61,41%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tr.đ	7.204	-212		

### 1.3. Kết quả thực hiện chi thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị năm 2020

- Tổng thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị: 129.600.000 đồng
- Thù lao của các Thành viên Hội đồng quản trị: 302.400.000 đồng

## 2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác của HĐQT năm 2020

### 2.1. Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020

Trong năm 2020 Hội đồng quản trị, từng thành viên HĐQT và Ban giám đốc điều hành công ty đã tích cực triển khai các nội dung công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, cụ thể như sau:

- Thực hiện việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ công ty và chi trả cổ tức năm 2019 cho các cổ đông và chi thưởng cho Ban điều hành theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 được ĐHĐCĐ phê duyệt, xây dựng các giải pháp điều hành kế hoạch để thực hiện trong toàn công ty.
- Triển khai bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Triển khai sửa đổi, ban hành các Quy chế, Quy định theo đúng quy định của pháp luật và thẩm quyền của HĐQT.
- Thực hiện phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 theo ủy quyền của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

## 2.2. Thực hiện các công việc theo thẩm quyền của HĐQT:

**T**rong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tiến hành 4 phiên họp tập trung, 01 phiên họp ĐHĐCĐ và 17 phiên họp dưới hình thức lấy phiếu xin ý kiến bằng văn bản theo quy định tại điều 30 – Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức theo đúng trình tự; các biên bản và Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã được triển khai và ban hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Trong năm HĐQT đã ban hành 21 Nghị quyết (không bao gồm Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020), 08 Quyết định để điều hành hoạt động của Công ty.

Ngoài việc triển khai thực hiện các nội dung công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, HĐQT và từng thành viên HĐQT triển khai các nội dung công việc như sau:

- Chỉ đạo triển khai xây dựng kế hoạch năm 2021, kế hoạch 05 năm 2021-2025 theo yêu cầu của Tổng công ty HK Việt Nam - CTCP tại Chi thị số 1595/CT-TCTHK-KHPT ngày 15/10/2019 theo đúng tiến độ và đã được Tổng Công ty HKVN giao chỉ tiêu kế hoạch định hướng cho Nhóm người đại diện chỉ đạo Công ty triển khai thực hiện.
- Thực hiện thủ tục miễn nhiệm thành viên HĐQT xin từ nhiệm đối với ông Nguyễn Văn Thắng và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 đối với ông Vũ Ngọc Sơn để đảm bảo công tác giám sát và điều hành.
- Phê duyệt triển khai thực hiện các dự án đầu tư, mua sắm đảm bảo cơ sở vật chất, tài sản,

trang thiết bị phục vụ hoạt động điều hành và kinh doanh của Công ty, trong đó một số dự án quan trọng đó là:

- + Dự án đầu tư xây dựng cơ bản: Cải tạo nâng cấp phòng C Nội địa, C Quốc tế; Dự án mở rộng phòng C Nội địa.
- + Dự án đầu tư 02 xe sàn thấp chở khách hạng Y trong sân đỗ tàu bay;
- + Dự án đầu tư 04 xe sàn thấp chở khách hạng C trong sân đỗ tàu bay;
- + Dự án đầu tư 03 xe chở khách hạng C trong sân đỗ tàu bay.

- Theo dõi, kiểm soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các Công ty có vốn góp của NASCO đảm bảo việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Bổ nhiệm lại cán bộ đã hết nhiệm kỳ, bổ nhiệm mới cán bộ quản lý theo thẩm quyền đảm bảo công tác quản lý điều hành luôn được duy trì ở tất cả các đơn vị, các cấp hoạt động kinh doanh.

- Thực hiện kiểm soát chặt chẽ các chi phí của Công ty góp phần hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2020.

- Phê duyệt kế hoạch chi quỹ phúc lợi và khen thưởng năm 2020 để kịp thời hỗ trợ người lao động chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn, tạm hoãn hợp đồng lao động trong thời gian diễn ra dịch bệnh, đồng thời động viên những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công việc.

- Thống nhất và phối hợp triển khai tốt chương trình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.

## 2.2. Thực hiện các công việc theo thẩm quyền của HĐQT:

Ban điều hành đã nghiêm túc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ năm 2020 và các Nghị Quyết, Quyết định Hội đồng quản trị ban hành. Trong bối cảnh dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp, khó lường, mức độ cạnh tranh trong môi trường kinh doanh của Công ty ngày càng khốc liệt, Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý của công ty đã luôn nhiệt huyết, nỗ lực làm việc, nhanh nhạy linh hoạt nắm bắt tình hình, nhanh chóng ra quyết định kịp thời hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị giao, đảm bảo cao nhất lợi ích cho

khách hàng, các cổ đông và người lao động. Ban điều hành cũng thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh, đầu tư các dự án, tình hình tài chính..., giúp HĐQT quản trị nắm bắt kịp thời tình hình của Công ty chỉ đạo Công ty hoạt động một cách hiệu quả theo kế hoạch đề ra. Hội đồng quản trị Công ty đánh giá cao và ghi nhận kết quả điều hành sản xuất kinh doanh năm 2020 của Ban điều hành nói chung và Tổng Giám đốc nói riêng.

## 2.4. Nhận xét đánh giá:

- Hội đồng quản trị tự nhận thấy đã chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các nội dung trong Nghị quyết của ĐHĐCĐ; đã hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo và giám sát đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công tác điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định.

- Năm 2020, mặc dù Công ty đã gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của dịch bệnh nhưng Công ty đã nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được giao và đạt được kết quả tốt (Lợi nhuận trước thuế đạt vượt mức so với kế hoạch được giao).

Vốn và tài sản Công ty được bảo toàn, bảo đảm lợi ích của cổ đông. Một số dự án đầu tư trọng điểm đã được triển khai, tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm tới.

## II. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2019	KH năm 2020	SS	
				KH2020/TH2019	Số tương đối (%)
<b>I</b>	<b>CÔNG TY MẸ</b>				
<b>1</b>	<b>Vốn CSH bình quân</b>	<b>120.178</b>	<b>120.178</b>	<b>0</b>	<b>100</b>
	Vốn đầu tư của các CSH cuối kỳ báo cáo	83.158	83.158	0	100
<b>2</b>	<b>Tổng Doanh thu và thu nhập khác (Không bao gồm DT nội bộ)</b>	<b>447.075</b>	<b>248.888</b>	<b>-198.187</b>	<b>56</b>
a	Doanh thu từ hoạt động SXKD	434.917	226.973	-207.944	52
b	Doanh thu từ HĐ tài chính và thu nhập khác	12.159	21.915	9.757	180
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>32.112</b>	<b>0</b>	<b>-32.112</b>	<b>0</b>
	Trong đó:				
a	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD và HĐ khác	22.974	-21.575	-44.549	
b	Cổ tức, LN được chia từ đầu tư RNDN	9.138	21.575	12.437	236
<b>6</b>	<b>Lợi nhuận sau khi nộp thuế TNDN</b>	<b>27.291</b>	<b>0</b>	<b>-27.291</b>	<b>0</b>
<b>7</b>	<b>Tỷ lệ LNST/VĐL (%)</b>	<b>33</b>	<b>0</b>	<b>-33</b>	<b>0</b>
<b>8</b>	<b>Chia cổ tức (Tạm tính)</b>	<b>18.294</b>	<b>0</b>	<b>-18.294</b>	<b>0</b>
	Tỷ lệ cổ tức/VĐL(%)(Phần giá trị cổ phiếu đang lưu hành)	22	0	-22	0
<b>9</b>	<b>Tổng mức đầu tư trong năm</b>				
a	Đầu tư XD CB và TT B				
	- Giá trị KL công việc hoàn thành	53.263	112.111	58.848	211
	- Giá trị giải ngân	37.760	115.052	77.292	305
b	Đầu tư vốn vào DN khác	0	-3.780	-3.780	
<b>10</b>	<b>Tổng quỹ lương, tiền công</b>	<b>95.791</b>	<b>49.144</b>	<b>-46.647</b>	<b>51</b>
<b>11</b>	<b>Lao động bình quân</b>	<b>605</b>	<b>480</b>	<b>-125</b>	<b>79</b>
<b>II</b>	<b>CHỈ TIÊU HỢP NHẤT</b>				
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	42.766	7.204	-35.562	17

### 2. Phương hướng hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty:

Năm 2021, bối cảnh hoạt động của Công ty tiếp tục gặp khó khăn và nhiều thử thách:

➤ Dịch bệnh Covid 19 vẫn đang diễn biến phức tạp, tình hình SXKD của Công ty khả năng phục hồi chậm.

Sản lượng khách qua Cảng HKQT Nội Bài năm 2021 dự kiến chỉ đạt tương đương so với năm 2020, các chuyến bay Quốc tế dự kiến khôi phục chậm vào cuối năm 2021.

➤ Môi trường kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục phải chịu sự cạnh tranh từ nhiều Công ty mới khác và thương hiệu lớn; một số chi phí đầu vào lớn đối với hoạt động kinh doanh tăng mạnh (Chi phí khấu hao, lãi vay thực hiện các dự án đầu tư, chi phí nguyên nhiên vật liệu...).

Từ những thực tế trên, phương hướng hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2021 tập trung vào các nội dung sau:

➤ Hội đồng quản trị Công ty và từng thành viên HĐQT tập trung chỉ đạo ban Giám đốc kịp thời đề ra các giải pháp ứng phó với những diễn biến phức tạp của dịch Covid 19; đảm bảo an toàn cho CB-CNV và khách hàng. Chuẩn bị tốt các nguồn

lực đáp ứng nhu cầu SXKD khi thị trường phục hồi.

➤ Thực hiện chương trình hoạt động định kỳ/chuyên đề theo đúng kế hoạch; Tập trung cho công tác chỉ đạo để cùng Tổng Giám đốc thực hiện điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, chuẩn bị các phương án ứng phó với các biến động của thị trường một cách kịp thời và linh hoạt;

➤ Tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh ở những lĩnh vực có thể mạnh, nhiều kinh nghiệm (Phòng khách Bông sen, chuyên chở khách trong sân đỗ máy bay), giữ vững thị phần các hoạt động này; từng bước tìm kiếm những thị trường, lĩnh vực kinh doanh mới.

➤ Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị (Phương tiện vận tải) nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ.

➤ Tăng cường công tác quản lý hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp để có hiệu quả cao hơn.  
- Tăng cường công tác chỉ đạo và công tác giám sát các hoạt động của Công ty nhất là sản xuất kinh doanh, quản lý chi phí và thực hành tiết kiệm; chất lượng dịch vụ, thường xuyên rà soát, hoàn thiện các chỉ tiêu định mức kinh tế - kỹ thuật.

➤ Tiếp tục củng cố và hoàn thiện tổ chức của Công ty, áp dụng phương pháp, công cụ quản lý tiên tiến để phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh mới

➤ Nghiên cứu thị trường để triển khai một số loại hình kinh doanh mới, cơ cấu lại những lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả; tăng cường truyền thông quảng bá các loại hình dịch vụ của Công ty nhằm mở rộng thị phần và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

➤ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý để điều hành và quản lý Công ty; Tổ chức giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy chế, quy định, nội quy của Công ty. Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ thống kê báo cáo.

➤ Xây dựng phương án huy động các nguồn vốn khác nhau (liên doanh, liên kết, hợp tác kinh doanh...) để đảm bảo đủ nguồn vốn thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm của công ty.

## PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- I. Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông
- II. Giới thiệu ban lãnh đạo



## I. THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu công ty CP dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài
Loại cổ phiếu	cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	NAS
Mệnh giá cổ phiếu	10,000 ĐỒNG
Ngày bắt đầu niêm yết/ đăng ký giao dịch	25/1/2017
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	8,315,482 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ	282 cổ phiếu

**Cơ cấu cổ đông:** Danh sách cổ đông chốt ngày 30/11/2020

Phân loại cổ đông	Tỷ lệ	Số lượng cổ phần
Cổ đông lớn	61,83%	5.141.536
Cổ đông nhỏ	38,17%	3.174.228
<b>Tổng cộng</b>		<b>8.315.764</b>
Cổ đông tổ chức		4.733.819
Cổ đông cá nhân		3.581.945
<b>Tổng cộng</b>		<b>8.315.764</b>
Cổ đông nhà nước		4.241.160
Cổ đông nước ngoài		78.800
<b>Tổng cộng</b>		<b>4.074.604</b>

## II. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

### 1. Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Đức Cảnh	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Vũ Ngọc Sơn	Ủy viên
3	Bà Hà Thị Thu Nga	Ủy viên
4	Ông Trần Việt Phương	Ủy viên
5	Ông Nguyễn Văn Thắng	Ủy viên
6	Bà Phan Diễm Anh	Ủy viên

**1.1. Các thông tin liên quan đến các thành viên HĐQT:** đã được đề cập trong phần II.

### 1.2. Thay đổi thành viên HĐQT

- Bổ nhiệm ông Vũ Ngọc Sơn làm Thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 24/06/2020, đồng thời, miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Thắng với chức vụ Thành viên HĐQT Công ty.

### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT hoạt động theo quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2020, hoạt động của HĐQT tập trung vào:

- Định hướng và hoạt động của HĐQT trong năm 2020
- Theo dõi tình hình hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo của Ban điều hành
- Chỉ đạo, định hướng cho Ban điều hành các hoạt động của Công ty
- Thẩm định, phê duyệt các đề xuất kinh doanh của Ban điều hành.

Hoạt động của HĐQT được thể hiện qua các cuộc họp, các chỉ đạo thông qua việc ban hành các Nghị quyết, quyết định, phê duyệt các tờ trình.

Chủ tịch HĐQT trực tiếp chỉ đạo Ban điều hành về các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra các chủ trương quyết sách phù hợp cho từng giai đoạn phát triển của Công ty, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.



Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Đức Cảnh	Chủ tịch HĐQT	4	100%	
2	Ông Trần Việt Phương	TV HĐQT	4	100%	
3	Bà Phan Diễm Anh	TV HĐQT	3	75%	Đi công tác
4	Bà Hà Thị Thu Nga	TV HĐQT	4	100%	
5	Ông Nguyễn Văn Thắng	TV HĐQT	1	25%	Miễn nhiệm thành viên HĐQT từ 24/06/2020
6	Ông Vũ Ngọc Sơn	TV HĐQT	3	75%	Được bầu thành viên HĐQT từ 24/06/2020 Ủy quyền tham dự bằng văn bản cho Ông Trần Việt Phương

Giữa các kỳ họp của HĐQT, để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản lý, Công ty đã tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của HĐQT bằng văn bản. Các hồ sơ tổ chức lấy ý kiến biểu quyết này được thực hiện theo đúng thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan, đúng theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT và dưới sự giám sát của Ban kiểm soát Công ty ( các hồ sơ lấy ý kiến HĐQT đều được gửi cho tất cả các thành viên Ban kiểm soát theo đúng thể thức, nội dung và thời hạn như đối với các thành viên HĐQT). Tổng số hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản trong năm 2020 là 17 hồ sơ.



Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2020:

STT	Số công văn	Ngày ban hành	Nội dung
01	10/NQ-NASCO/HĐQT	02/03/2020	NQ thông qua nội dung xin ý kiến ĐHCĐ bằng văn bản của Nasco logistics về phê duyệt DA hoàn thành Dự án Nhà ga Cam ranh giai đoạn 1A
02	13/NQ-NASCO/HĐQT	10/03/2020	NQ thông qua nội dung tờ trình 321/TTr-NASCO-BTK về việc triệu tập họp ĐHCĐ thường niên năm 2020
03	19/NQ-NASCO/HĐQT	03/04/2020	NQ thông qua nội dung tờ trình 513/TTr-NASCO-BTK về việc xin gia hạn thời gian họp ĐHCĐ thường niên năm 2020
04	23/NQ-NASCO/HĐQT	15/04/2020	NQ thông qua nội dung tờ trình 533/TTr-NASCO-BTK về việc phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng ngắn hạn, hạn mức thấu chi
05	25/NQ-NASCO/HĐQT	13/03/2020	NQ thông qua nội dung phiên họp thứ nhất (2020) của HĐQT công ty- Báo cáo kết quả hoạt động KD năm 2019, phương hướng điều chỉnh kế hoạch 2020 - Kế hoạch sử dụng quỹ phúc lợi, khen thưởng năm 2020  - Báo cáo tài chính năm 2019  - Chi trả thù lao HĐQT/BKS 2019
06	27/NQ-NASCO/HĐQT	05/05/2020	NQ triệu tập cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2020 của NASCO
07	29/NQ-NASCO/HĐQT	11/05/2020	NQ bổ nhiệm lại Trưởng phòng KHTT đối với ông Vũ Đức Hạnh
08	16/NQ-NASCO/HĐQT	23/03/2020	NQ thông qua việc bổ nhiệm TGD Công ty cổ phần giao nhận hàng hóa Nasco
09	33/NQ-NASCO/HĐQT	21/05/2020	NQ phê duyệt các nội dung họp ĐHCĐ thường niên năm 2020 của Nasco logistics
10	37/NQ-NASCO/HĐQT	02/06/2020	NQ phê duyệt và sử dụng hạn mức tín dụng ngắn hạn, hạn mức thấu chi

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2020 (tiếp):

STT	Số công văn	Ngày ban hành	Nội dung
11	44/NQ-NASCO/HĐQT	10/06/2020	NQ thông qua nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
12	56/NQ-NASCO/HĐQT	19/06/2020	NQ thông qua nội dung chủ trương thanh lý tài sản là phương tiện vận tải trong sân đỗ tàu bay đã hết niên hạn sử dụng
13	60/NQ-NASCO/HĐQT	22/06/2020	NQ phê duyệt các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Công ty NCTS
14	63/NQ-NASCO/HĐQT	24/06/2020	NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 NASCO
15	70/NQ-NASCO/HĐQT	08/07/2020	NQ thông qua nội dung tại phiên họp thứ hai năm 2020 của HĐQT Công ty
16	74/NQ-NASCO/HĐQT	14/08/2020	NQ phê duyệt và triển khai DA đầu tư mới 02 phòng khách hạng Thương gia nội địa mới tại Nhà ga T1 ( phòng A+phòng B)
17	79/NQ-NASCO/HĐQT	25/08/2020	NQ phê duyệt lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2020
18	83/NQ-NASCO/HĐQT	04/09/2020	NQ thông qua nội dung tại phiên họp thứ Ba (2020) Kịch bản lại cơ cấu tổ chức, Quy chế hoạt động, tình hình kinh doanh 8 tháng của NASCO và Nasco logistics
19	88/NQ-NASCO/HĐQT	22/09/2020	NQ phê duyệt phương án hòa giải công nợ Món Huế
20	97/NQ-NASCO/HĐQT	11/11/2020	NQ về việc chi trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông
21	102/NQ-NASCO/HĐQT	11/11/2020	NQ phê duyệt DA đầu tư 03 xe ô tô trên 45 chỗ chở CBNV
22	109/NQ-NASCO/HĐQT	11/12/2020	NQ thông qua nội dung tại phiên họp thứ Tư (2020) của HĐQT Công ty

2. Ban kiểm soát

2.1. Thông tin về hoạt động của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Trường Thi	Thành viên
3	Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	Thành viên

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã triển khai các hoạt động:

- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động SXKD và BCTC năm 2020
- Trình ĐHĐCĐ thường niên về lựa chọn đối tác kiểm toán
- Soát xét báo cáo SXKD, báo cáo tài chính năm 2020
- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020. Tình hình thực hiện tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.

2.2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Số buổi tham sự họp	Tỷ lệ họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	4	100%	100%
2	Ông Nguyễn Trường Thi	4	100%	100%
3	Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	4	100%	100%

3.3. Đánh giá của Ban kiểm soát về hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

- Kiểm tra, giám sát để đảm bảo Công ty thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra và thẩm định Báo cáo sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty.

3. Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trần Việt Phương	Tổng Giám đốc
2	Ông Đặng Huy Khôi	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Trần Xuân Cương	Phó Tổng Giám đốc

#### 4. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc:

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích Công ty mẹ:

Bộ phận	Lương, thưởng, thù lao năm 2020 (triệu đồng)
Ban Tổng Giám đốc	324.000.000
Hội đồng quản trị và BKS	386.400.000
Người quản lý	1.266.730

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

#### 5. Tăng cường quản trị công ty



##### 5.1. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật:

Minh bạch thông tin; Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông

➤ Công ty công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;

➤ Tổ chức ĐHĐCĐ, trả cổ tức đúng thời hạn

##### 5.2. Nâng cao hiệu quả quản trị công ty

➤ Quản trị tài chính - kế toán

Công ty đang sử dụng phần mềm FAST nhưng hiệu quả chưa cao, Công ty có kế hoạch xây dựng phần mềm mới tiến bộ hơn.

➤ Quản trị nhân sự

Hiện tại Công ty đang quản trị nhân sự thông qua hệ thống các văn bản về quản trị nhân sự được Công ty ban hành, căn cứ vào mục tiêu phát triển Công ty trong dài hạn, ngắn hạn để lập và triển khai các kế hoạch về duy trì và nâng cao chất lượng nhân sự của Công ty. Ngoài ra Công ty cũng sử dụng phần mềm quản lý người lao động (thông tin cá nhân, quá trình công tác, lương, thưởng, đánh giá năng lực hàng năm...) làm cơ sở cho các kế hoạch đào tạo và phát triển nhân sự ngắn hạn và dài hạn đem lại hiệu quả khá tích cực.

Hiệu quả: Trong 10 năm trở lại đây Công tác quản trị nhân sự đã được chú trọng và có những hiệu quả rõ rệt, năng lực, năng suất lao động của

người lao động được nâng cao, tạo hiệu quả rõ rệt trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối với phần mềm quản trị nhân sự đã hỗ trợ không nhỏ trong việc truy xuất thông tin người lao động, tổng hợp thông tin chính xác góp phần xây dựng kế hoạch nhân sự cho các bộ phận kinh doanh cũng như các hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong những năm tới Công ty sẽ tiếp tục đầu tư vào hệ thống phần mềm để tăng cường năng lực quản lý và phân tích thông tin người lao động phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực người lao động cũng như xây dựng kế hoạch tuyển dụng, điều động bổ sung nhân sự có năng lực, kinh nghiệm cho các bộ phận, đơn vị. Hoàn thiện hệ thống văn bản, quy chế, quy định với quan điểm quản lý hiện đại, linh hoạt, năng động hơn tạo điều kiện cho người lao động trong Công ty có thể phát huy tối đa năng lực, nâng cao năng suất lao động.

➤ Quản trị quan hệ khách hàng

Công tác quản trị quan hệ khách hàng được chú

trọng nhất là đối với các khách hàng lớn, khách hàng truyền thống. Hiện tại Công ty đang sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý và chăm sóc khách hàng CRM. Quan hệ đối với khách hàng ngày càng được cải thiện. Trong thời gian tới Công ty tiếp tục chú trọng chăm sóc khách hàng, khai thác và sử dụng có hiệu quả phần mềm CRM

➤ Quản trị quan hệ chất lượng

Công ty đang áp dụng hệ thống tiêu chuẩn CLDV ISO 9001-2015 đảm bảo kiểm soát chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp. Theo đó tất cả các hoạt động SXKD, cung ứng sản phẩm dịch vụ đều được thực hiện và kiểm soát theo quá trình nghiêm ngặt

Ngoài ra Công ty thực hiện nghiêm chỉnh chất lượng dịch vụ (SLA) đã cam kết với các đối tác đặc biệt với TCT HKVN - CTCP

Trong thời gian tới công ty tiếp duy trì và đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống QLCL ISO 9001-2015 và tiếp tục nâng cao CLDV đã cam kết với khách hàng.



## PHẦN VI: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- I. Những tác động liên quan đến môi trường
- II. Những tác động liên quan đến cộng đồng



## I. Những tác động liên quan đến môi trường

### 1. Tình hình sử dụng nguyên vật liệu, nhiên liệu

#### 1.1. Tiêu thụ năng lượng

Công ty sử dụng điện năng cho quá trình hoạt động kinh doanh với mức hơn 112 nghìn KW/năm chủ yếu cho hoạt động tại trụ sở Công ty, phục vụ tại các điểm kinh doanh tại nhà Ga T1, T2 và một số vị trí khác. Tại các địa điểm kinh doanh và văn phòng của Công ty đều được sử dụng các bóng đèn và trang thiết bị tiết kiệm điện theo tiêu chuẩn, điều hòa nhiệt độ đáp ứng tiêu chuẩn về phát thải khí nhà kính hiện nay và thực hiện thay mới khi các thiết bị hết hạn sử dụng. Do đó, mức độ ảnh hưởng đến môi trường và xã hội rất thấp.

Do Công ty có hoạt động dịch vụ vận chuyển hành khách, do đó nhu cầu sử dụng xăng, dầu của Công ty là khá lớn. Công ty luôn đảm bảo tiêu chuẩn khí thải tại các phương tiện vận tải mà Công ty sử dụng để vận chuyển khách, thường xuyên bảo dưỡng, kiểm định các phương tiện nhằm tối thiểu ảnh hưởng của khí thải đến môi trường, các phương tiện mua mới đều đạt được các quy định về khí thải theo tiêu chuẩn quốc tế.

#### 1.2. Tiêu thụ nước

Công ty sử dụng nước dùng cho các hoạt động tại trụ sở Công ty, các phòng khách hàng thương gia và cửa hàng thương mại, ăn uống giải khát tại Cảng hàng không Nội Bài khoảng 27,5 nghìn m<sup>3</sup>/năm. Nước thải được xử lý theo quy định, không thải ra môi trường khi chưa được xử lý. Bên cạnh đó, việc cung cấp nước uống cho cán bộ, công nhân viên cũng được Công ty quan tâm và chú trọng. Phòng Tổ chức – Hành chính Công ty luôn có trách nhiệm thường xuyên nhắc nhở cán bộ, công nhân viên tiết kiệm nước sinh hoạt và nước uống. Do đó, mức độ ảnh hưởng đến môi trường và xã hội rất thấp.

trường và xã hội rất thấp.

### 1.3. Bảo vệ môi trường, cải thiện cảnh quan môi trường làm việc

☛ Tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, không để xảy ra các phản ánh, đánh giá không tốt từ khách hàng, cơ quan quản lý tại địa phương cũng như cộng đồng xung quanh.

☛ Trong hoạt động kinh doanh vận tải hành khách: Xây dựng hệ thống phương tiện vận tải đảm bảo về kỹ thuật cũng như khí thải theo tiêu chuẩn. Công ty luôn nỗ lực để xây dựng và giữ vững thương hiệu NASCO là thương hiệu xanh – thân thiện với môi trường.

☛ Tuyên truyền đến cán bộ công nhân viên giữ gìn vệ sinh nơi làm việc và cảnh quan Công ty (sắp xếp hồ sơ, tài liệu gọn gàng, bỏ rác đúng chỗ, hút thuốc lá đúng nơi quy định,...) giữ gìn cảnh quan chung của Công ty, tham gia bảo vệ môi trường tại địa phương.

☛ Bố trí văn phòng làm việc, ngăn nắp, hợp lý, nhiều ánh sáng tự nhiên góp phần giảm năng lượng tiêu thụ điện năng.

☛ Trụ sở Công ty có diện tích rộng, do



đó, Công ty đã và đang trồng thêm cây xanh quanh trụ sở, góp phần làm cho môi trường ngày càng thân thiện với môi trường.

☛ Sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn nguyên liệu, tăng cường tái chế và sử dụng vật liệu có thể tái chế.

☛ Ký hợp đồng các đơn vị có chức năng xử lý rác thải, chất thải để xử lý các chất thải và rác thải của Công ty trong quá trình hoạt động để đảm bảo vệ sinh, hạn chế ô nhiễm môi trường.

## II. Những tác động liên quan đến cộng đồng

### 2.1. Chế độ làm việc:

Người lao động làm việc không quá 8 tiếng trong 1 ngày, không quá 48 giờ trong 1 tuần

Theo yêu cầu nhiệm vụ, người sử dụng lao động có quyền bố trí giờ làm việc theo ca kíp hoặc giờ hành chính tùy thuộc tình hình thực tế của từng đơn vị trong Công ty và bố trí nghỉ hàng tuần vào các ngày trong tuần.

hành chính: Áp dụng đối với người lao động làm các công việc gián tiếp (từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần )

☛ Sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 45 phút;

☛ Chiều từ 13 giờ đến 16 giờ

☛ Giờ ca, kíp: Áp dụng đối với người lao động làm việc ở các bộ phận trực tiếp kinh doanh, hỗ trợ phục vụ theo chế độ ca làm việc theo ngày tùy theo đặc điểm, tính chất và yêu cầu công việc cụ thể

☛ Đối với những người làm các công việc đặc thù thì không áp dụng thời gian quy định trên đây: Lái xe, tạp vụ, bảo vệ, nhân viên giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không, thủ kho, nhân viên mua hàng,... thì thời gian làm việc được thực hiện theo sự phân công của cán bộ quản lý trực tiếp trên cơ sở định mức lao động đã được người sử dụng quyết định.

☛ Người lao động có thai từ tháng thứ 7 hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi không phải làm ca đêm hoặc đi công tác xa khỏi đơn vị từ 02 ngày trở lên với bán kính trên 50km.

Điều kiện lao động:

☛ Những người lao động do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và được thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

☛ Cơ sở vật chất hiện có của Công ty tiện nghi, hiện đại, môi trường tích cực, sôi nổi.

### 2.2. Phúc lợi

Bên cạnh mục tiêu tăng trưởng hoạt động kinh doanh, Công ty cũng mong muốn chia sẻ và giúp đỡ, tạo điều kiện về mọi mặt cho người lao động của NASCO nhằm nâng cao thu nhập và đời sống tinh thần. Giúp người lao động và cán bộ nhân viên có thể gắn bó lâu dài với Công ty.

☛ Ngoài việc tuân thủ thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm

y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, chế độ ốm đau, thai sản, sinh nhật, nghỉ mát...cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật, Công đoàn công ty luôn hướng người lao động đến những hoạt động xã hội, văn-thể-mỹ lành mạnh ngoài thời gian làm việc, tổ chức các hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ giữa các đơn vị trong Công ty.

✦ Tổ chức các chương trình đào tạo nghiệp vụ để cán bộ, công nhân viên kịp thời cập nhật và nâng cao kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng tốt yêu cầu công việc; kết hợp tốt giữa các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo trong nước, đào tạo ngắn hạn và đào tạo dài hạn.

### 2.3. Trách nhiệm đối với Cộng đồng:

✦ Ban lãnh đạo Công ty luôn thấu hiểu rằng, bên cạnh những thành quả đạt được do những cố gắng nỗ lực của tập thể Công ty còn có sự đóng

góp, hỗ trợ từ cộng đồng địa phương. Vì lẽ đó,

nghĩa vụ và trách nhiệm xã hội luôn được NASCO coi là nghĩa vụ tất yếu để phát triển bền vững.

✦ Mục tiêu của Công ty là cam kết, chung tay, chia sẻ các vấn đề khó khăn chung của xã hội. Vì vậy, hàng năm Công ty và người lao động đã hỗ trợ cả vật chất lẫn tinh thần cho các tổ chức xã hội, các gia đình và cá nhân có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương, nhận nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, tặng quà các cháu nhỏ có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương, phối hợp cùng các cơ quan đoàn thể tại địa phương và cấp trên thực hiện các hoạt động tình nghĩa, xã hội nhằm hỗ trợ đồng bào gặp thiên tai, bão lụt,...

✦ Công ty thường xuyên thực hiện các hoạt động từ thiện đối với các cá nhân là thương binh, thân nhân gia đình thương binh, liệt sỹ, người có công với đất nước, có hoàn cảnh khó khăn và các tổ chức từ thiện tại địa phương.



**CHƯƠNG VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**





**MỤC LỤC**

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 48

### **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Đức Cảnh	Chủ tịch
Ông Trần Việt Phương	Thành viên
Bà Hà Thị Thu Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12/6/2020)
Bà Phan Diễn Anh	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12/6/2020)

#### **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban
Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	Thành viên
Ông Nguyễn Trường Thi	Thành viên

#### **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Việt Phương	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Nhóm Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



**Trần Việt Phương**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2021

1789  
CÔNG TY  
TNNH  
SÂN BAY  
NỘI BÀI  
VIỆT  
NAM  
H. SÓC SƠN  
TP. HÀ NỘI  
4Y-T

Số: 20/2021/RSMHN-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***V/v: Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020  
của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài***Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc và các cổ đông  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài****Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con, công ty liên kết (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập tại ngày 26/02/2021 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 06 đến trang 48.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 64/2020/UHY-BCKT phát hành ngày 28/02/2020.



**Nguyễn Thành Lâm**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0299-2018-026-1

*Thay mặt và đại diện*

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Thành viên Hãng RSM Quốc tế**

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2021

**Hoàng Thị Vinh**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1678-2018-026-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>144.430.121.337</b>	<b>208.631.204.358</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>31.475.269.487</b>	<b>68.686.407.836</b>
1. Tiền	111		24.475.269.487	41.613.207.836
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	27.073.200.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>33.637.831.956</b>	<b>16.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	33.637.831.956	16.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>55.103.142.745</b>	<b>83.442.817.254</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	45.052.876.783	55.806.571.570
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	5.166.561.231	16.860.705.196
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	4.973.595.169	10.775.540.488
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(89.890.438)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.6</b>	<b>16.649.671.328</b>	<b>37.316.942.031</b>
1. Hàng tồn kho	141		16.649.671.328	37.316.942.031
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.564.205.821</b>	<b>3.185.037.237</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	1.104.845.825	1.986.791.766
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.15	6.459.359.996	1.198.245.471
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>301.362.976.681</b>	<b>221.861.951.521</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.759.117.641</b>	<b>1.937.617.641</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.3	1.412.487.563	1.412.487.563
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	917.346.078	1.095.846.078
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(570.716.000)	(570.716.000)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>162.933.848.604</b>	<b>101.940.651.145</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	160.384.167.734	98.916.677.388
Nguyên giá	222		320.032.129.374	240.053.675.893
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(159.647.961.640)	(141.136.998.505)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	2.549.680.870	3.023.973.757
Nguyên giá	228		9.634.252.288	8.659.252.288
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.084.571.418)	(5.635.278.531)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>4.10</b>	<b>13.136.933.005</b>	<b>14.104.160.092</b>
Nguyên giá	231		14.243.961.941	14.243.961.941
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.107.028.936)	(139.801.849)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>23.031.356.418</b>	<b>1.712.737.106</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	23.031.356.418	1.712.737.106
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.12</b>	<b>97.211.833.598</b>	<b>97.364.023.637</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		517.143.598	669.333.637
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		96.694.690.000	96.694.690.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.289.887.415</b>	<b>4.802.761.900</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	2.974.339.201	4.447.512.725
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		315.548.214	355.249.175
3. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>445.793.098.018</b>	<b>430.493.155.879</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020 (trình bày lại)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>255.225.585.472</b>	<b>210.946.222.419</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>139.984.823.926</b>	<b>143.690.875.999</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	40.814.001.473	62.909.264.381
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		466.647.601	1.466.137.165
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	904.041.856	2.556.908.254
4. Phải trả người lao động	314		13.952.603.152	31.037.731.747
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	2.978.038.225	2.657.857.473
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		82.090.908	12.925.439.721
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	4.471.114.754	8.980.609.831
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	69.374.683.733	15.962.692.840
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.941.602.224	5.194.234.587
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>115.240.761.546</b>	<b>67.255.346.420</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	3.640.963.167	3.110.065.167
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	111.599.798.379	64.023.147.981
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	122.133.272
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>190.567.512.546</b>	<b>219.546.933.460</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.18</b>	<b>190.567.512.546</b>	<b>219.546.933.460</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.157.640.000	83.157.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.157.640.000	83.157.640.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(2.820.000)	(2.820.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.553.684.206	33.053.684.206
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.969.213.452	3.969.213.452
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.770.305.800	36.075.391.158
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.221.734.177	4.541.933.339
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối năm nay	421b		(451.428.377)	31.533.457.819
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		62.119.489.088	63.293.824.644
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>445.793.098.018</b>	<b>430.493.155.879</b>



Trần Việt Phương  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 02 năm 2021

Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Hiền  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019 (trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01	5.1	338.818.541.354	595.776.777.339
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	245.147.357	353.306.449
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>338.573.393.997</b>	<b>595.423.470.890</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	189.008.092.936	315.381.122.535
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>149.565.301.061</b>	<b>280.042.348.355</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	25.553.128.103	22.981.662.344
7. Chi phí tài chính	22	5.5	9.919.948.929	5.229.000.603
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.178.661.223	4.961.797.988
8. Phần lỗ/(lãi) trong công ty liên doanh, liên kết	24		152.190.039	(674.448)
9. Chi phí bán hàng	25	5.6	118.706.084.980	198.060.226.457
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	47.118.471.874	57.319.418.206
<b>11. (Lỗ)/LN thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(778.266.658)</b>	<b>42.416.039.881</b>
12. Thu nhập khác	31	5.8	1.563.742.930	889.531.861
13. Chi phí khác	32	5.9	997.103.925	539.872.205
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>566.639.005</b>	<b>349.659.656</b>
<b>15. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(211.627.653)</b>	<b>42.765.699.537</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.10	67.733.091	5.139.857.762
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.11	39.700.961	(540.438.385)
<b>18. (Lỗ)/LNST thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(319.061.705)</b>	<b>38.166.280.160</b>
19. (Lỗ)/LNST của cổ đông của công ty mẹ	61		(451.428.377)	31.533.457.819
20. LNST của cổ đông không kiểm soát	62		132.366.672	6.632.822.341
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.4	(54)	2.966
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.4	(54)	2.966



Trần Việt Phương  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 02 năm 2021

Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kê toán trưởng

Đỗ Thị Thu Hiền  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>5.10</b>	<b>(211.627.653)</b>	<b>42.765.699.537</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		26.245.550.776	23.338.546.680
- Các khoản dự phòng	03	5.7	89.890.438	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch TGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(27.648.295)	254.135.607
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(25.002.450.810)	(22.604.204.409)
- Chi phí lãi vay	06		9.178.661.223	4.961.797.988
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>10.272.375.679</b>	<b>48.715.975.403</b>
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09		23.171.341.812	(19.306.910.125)
- Giảm hàng tồn kho	10		20.667.270.703	4.844.755.325
- (Giảm)/tăng các khoản phải trả	11		(63.370.084.760)	8.652.425.435
- Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12		2.355.119.465	(298.119.776)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.420.136.924)	(5.245.954.768)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.949.762.127)	(2.537.088.316)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.146.311.413)	(3.763.875.083)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(24.420.187.565)</b>	<b>31.061.208.095</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(103.726.080.285)	(42.450.055.261)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		39.991.409	1.884.605.585
3. Tiền chi cho vay, mua các CCN của đơn vị khác	23		(78.100.000.000)	(16.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		60.462.168.044	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.114.649.440	21.979.582.911
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(96.209.271.392)</b>	<b>(34.585.866.765)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		129.515.437.193	48.738.581.440
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(28.526.795.902)	(20.952.468.541)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.570.935.940)	(20.441.227.785)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>83.417.705.351</b>	<b>7.344.885.114</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>(37.211.753.606)</b>	<b>3.820.226.444</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	68.686.407.836	64.869.752.653
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		615.257	(3.571.261)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>31.475.269.487</b>	<b>68.686.407.836</b>



Trần Việt Phương  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 02 năm 2021

Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Hiền  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài, một doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam. Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài theo Quyết định số 3978/QĐ-BGTVT ngày 21/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Từ khi chuyển đổi, Công ty đã thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 11 lần, lần cuối cùng vào ngày 14/9/2018.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất, Công ty có vốn điều lệ là 83.157.640.000 VND, tương đương 8.315.764 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Trong đó, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – Công ty Cổ phần sở hữu 51%.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty đặt tại Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Tổng số cán bộ, công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 757 người (tại ngày 01/01/2020 là 876 người).

Ngày 16/01/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 36/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài;
- Mã chứng khoán: NAS;
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu (Mười nghìn đồng);
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký: 8.315.764 cổ phiếu (Tám triệu ba trăm mười lăm nghìn bảy trăm sáu mươi tư cổ phiếu);
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 83.157.640.000 VND (Tám mươi ba tỷ, một trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất kinh doanh thương mại và dịch vụ.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết bao gồm: Vận chuyển hành khách, hàng hóa trong sân đỗ máy bay; Dịch vụ vận tải mặt đất; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa; Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách đi máy bay của các hãng hàng không trong nước và quốc tế; Dịch vụ làm thủ tục hàng không tại thành phố; Kinh doanh hàng miễn thuế phục vụ khách xuất, nhập cảnh; Dịch vụ lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại hàng không;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết bao gồm: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết bao gồm: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết là vận tải hành khách bằng taxi;
- Bốc xếp hàng hóa.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Từ đầu năm 2020, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với kế hoạch năm và so với cùng kỳ năm trước thì doanh thu và kết quả hoạt động trong năm 2020 của Công ty cũng bị sụt giảm đáng kể.

Trong bối cảnh hoạt động kinh doanh, sản xuất chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn.

**1.6 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	51%	49,12%	49,12%
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	36%	16%	16%

Các chi nhánh trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại TP. Hồ Chí Minh.

Đến thời điểm ngày 31/12/2020, theo Thông báo số 751051/20 ngày 04/12/2020 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã thông báo về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh tại Hà Nội. Bên cạnh đó, các chi nhánh khác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động.

1789  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG  
VIỆT NAM  
HÀ NỘI  
ÁY - T

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

#### 2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 2.2 Năm tài chính

Năm tài chính năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đây là Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

#### 3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 3.2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### **Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ**

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính (tiếp)

#### **Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của những công ty này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

### 3.3 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

### 3.5 Các khoản phải thu

#### **Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

#### **Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.6 Hàng tồn kho

#### *Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi (tiếp)*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại (nếu có), chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### *Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho*

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh đối với hàng miễn thuế, theo phương pháp bình quân gia quyền tháng đối với các hàng tồn kho khác và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng sử dụng của các hàng tồn kho này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp đồ đạc, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### 3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn hơn 7 triệu VNĐ được phân bổ từ 02 - 03 năm;
- Chi phí trả trước khác được phân bổ theo thời hạn trên từng thời hạn trên từng Hợp đồng.
- Đối với công cụ, dụng cụ có giá trị dưới 7 triệu VNĐ được ghi nhận toàn bộ vào chi phí trong năm khi phát sinh.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.8 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị quyết toán công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
TSCĐ khác	04 – 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.9 Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

#### **Phần mềm máy vi tính**

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (từ 04 đến 05 năm).

### 3.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

#### **Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư**

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

#### **Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

51789  
CÔNG TY  
TNHH  
TOÁN & T  
VIỆT  
HI NHÃ  
HÀ NỘI  
VĂN - T

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.10 Bất động sản đầu tư (tiếp)

#### *Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư (tiếp)*

Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

	<u>Thời gian sử dụng ước tính (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

### 3.12 Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

#### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.





### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## 3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.13 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

### 3.14 Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

#### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### 3.15 Doanh thu, thu nhập khác

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của năm đó.

#### *Lãi tiền gửi*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### *Thu nhập đầu tư*

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Nhóm Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.15 Doanh thu, thu nhập khác (tiếp)

*Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư*

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

### 3.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

### 3.17 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### 3.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

### 3.19 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuế môn bài; Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

### **3.20 Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp". Theo đó, các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

### **3.21 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

### **3.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.23 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.24 Thuế**

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

01789  
ÔNG  
TNH  
CÁN &  
VIỆT  
HI NH  
HÀ NỘ  
ẤY - 1

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.24 Thuế (tiếp)

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp)

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

001.C  
Y  
RƯ VẤN  
NAM  
NH  
P H A N H

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.24 Thuế (tiếp)

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp)

##### Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp)

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do nhóm Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

▪ Dịch vụ sửa chữa	10%
▪ Bán hàng hóa, vật tư	10%
▪ Các dịch vụ khác	5%
▪ Bán hàng hóa miễn thuế, hàng xuất khẩu	0%

#### Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### Ưu đãi, miễn giảm thuế

Để hỗ trợ các doanh nghiệp, Chính phủ ban hành Nghị định 41/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 quy định việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuế đất. Theo đó, Công ty được gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp theo quyết toán của kỳ tính thuế năm 2019 và số thuế giá trị gia tăng còn phải nộp theo tờ khai. Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày xin gia hạn (ngày 20/4/2020) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	447.947.424	751.068.033
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.027.322.063	40.862.139.803
Các khoản tương đương tiền (i)	7.000.000.000	27.073.200.000
<b>Cộng</b>	<b>31.475.269.487</b>	<b>68.686.407.836</b>

(i) Số dư tại ngày 31/12/2020 là các khoản tiền gửi từ 03 tháng trở xuống tại các Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và Ngân hàng TMCP Đông Nam Á với lãi suất từ 3,4% đến 6,7%/năm.

**4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	23.600.000.000	23.600.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000
Trái phiếu Chính phủ/Doanh nghiệp	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
Các khoản đầu tư khác	2.037.831.956	2.037.831.956	-	-
<b>Cộng</b>	<b>33.637.831.956</b>	<b>33.637.831.956</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>16.000.000.000</b>

(i) Đây là các khoản tiền gửi từ 03 tháng trở lên tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng và lãi suất trong khoảng từ 5%/năm đến 7,8%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.3 Phải thu của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 (trình bày lại) VND
<b>Ngắn hạn</b>		
<b>Phải thu từ các bên liên quan</b>	<b>23.502.864.145</b>	<b>21.006.859.656</b>
Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Khai thác Nội Bài	19.631.217.961	19.621.722.268
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài	956.325.787	666.033.322
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	162.435.043	455.181.112
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	2.454.570.471	113.754.300
Chi nhánh TCTHKVN - CTCP - Khu vực miền Bắc	13.165.000	52.340.037
Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Bông Sen Vàng	-	544.500
Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	73.980.000	1.760.000
CN Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (Skypec) Khu vực miền Bắc	17.817.710	-
Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - CTCP - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không (VASCO)	130.638.813	69.679.658
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	62.713.360	25.844.459
<b>Các khoản phải thu bên thứ ba</b>	<b>21.550.012.638</b>	<b>34.799.711.914</b>
Công ty TNHH Nhà hàng Món Huế	-	3.300.217.302
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	1.532.391.664	1.216.752.261
Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền thông số	175.140.000	1.020.260.000
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Đại Sơn	943.636.318	1.274.550.532
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	932.304.371	1.822.819.947
Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện	1.967.643.451	136.810.592
Công ty TNHH Hanaro TNS Việt Nam	1.202.858.000	1.334.088.000
Công ty CP Hàng không Vietjet	56.774.194	110.616.000
Hãng Hàng không Lào	2.417.205	359.896.795
Hàng không Dragon	29.443.859	38.321.308
Các công ty khác	14.707.403.576	24.185.379.177
<b>Cộng</b>	<b>45.052.876.783</b>	<b>55.806.571.570</b>
<b>Dài hạn</b>		
<b>Các khoản phải thu bên thứ ba</b>	<b>1.412.487.563</b>	<b>1.412.487.563</b>
Công ty Cổ phần Hàng không Indochina (i)	570.716.000	570.716.000
Các công ty khác	841.771.563	841.771.563
<b>Cộng</b>	<b>1.412.487.563</b>	<b>1.412.487.563</b>

(i) Khoản phải thu của Công ty Cổ phần Hàng không Indochina đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tỷ lệ 100%, hiện công ty này đang thực hiện thủ tục giải thể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>118.599.744</b>	-
Chi nhánh TCTHKVN - CTCP - Khu vực miền Nam	118.599.744	-
<b>Trả trước cho bên thứ ba</b>	<b>5.047.961.487</b>	<b>16.860.705.196</b>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Miền Bắc	-	10.776.000.000
Công ty TNHH MTV Sách báo Văn hóa phẩm Hà Nội	335.813.100	335.813.100
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Quốc Khánh	227.439.626	227.439.626
Công ty TNHH Ứng dụng Thiết bị Công nghệ mới	320.000.000	320.000.000
Công ty TNHH Digital Systems	338.600.000	-
Các nhà cung cấp khác	3.826.108.761	5.201.452.470
<b>Cộng</b>	<b>5.166.561.231</b>	<b>16.860.705.196</b>

**4.5 Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>333.183.704</b>	<b>3.702.132</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	193.183.704	3.702.132
Ký quỹ tại Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	140.000.000	-
<b>Phải thu bên thứ ba</b>	<b>4.640.411.465</b>	<b>10.771.838.356</b>
Ký cược, ký quỹ	612.333.000	627.333.000
Tạm ứng	1.221.153.874	1.598.572.153
Phải thu khác	2.806.924.591	8.545.933.203
- Tạm tính lãi tiền gửi	1.156.109.590	390.027.597
- Công ty Cổ phần Nhà hàng Món Huế (phải thu theo hợp đồng hợp tác)	-	717.659.735
- Phải thu khác	1.650.815.001	7.438.245.871
<b>Cộng</b>	<b>4.973.595.169</b>	<b>10.775.540.488</b>
<b>Dài hạn</b>		
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>12.000.000</b>	<b>12.000.000</b>
Ký quỹ tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	12.000.000	12.000.000
<b>Phải thu bên thứ ba</b>	<b>905.346.078</b>	<b>1.083.846.078</b>
Ký cược, ký quỹ	905.346.078	1.083.846.078
<b>Cộng</b>	<b>917.346.078</b>	<b>1.095.846.078</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.6 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.993.453.103	2.588.528.854
Công cụ, dụng cụ	484.764.645	499.963.317
Hàng hóa	13.277.286.501	32.358.859.526
Hàng gửi bán	894.167.079	1.869.590.334
<b>Cộng</b>	<b>16.649.671.328</b>	<b>37.316.942.031</b>

**4.7 Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	283.601.556	463.639.391
Chi phí thuê mặt bằng	275.512.126	732.599.413
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	545.732.143	790.552.962
<b>Cộng</b>	<b>1.104.845.825</b>	<b>1.986.791.766</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	2.455.996.924	4.162.220.927
Chi phí trả trước dài hạn khác	518.342.277	285.291.798
<b>Cộng</b>	<b>2.974.339.201</b>	<b>4.447.512.725</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>92.766.345.542</b>	<b>28.063.272.460</b>	<b>99.484.216.998</b>	<b>2.155.762.019</b>	<b>17.584.078.874</b>	<b>240.053.675.893</b>
Mua sắm	-	-	77.396.399.729	-	-	77.396.399.729
XDCB hoàn thành	7.221.790.492	-	-	-	-	7.221.790.492
Tặng khác (i)	2.913.145.970	-	-	-	-	2.913.145.970
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.272.426.158)	(6.046.865.009)	-	-	(8.319.291.167)
Điều chỉnh do hợp nhất	153.281.691	-	613.126.766	-	-	766.408.457
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>103.054.563.695</b>	<b>25.790.846.302</b>	<b>171.446.878.484</b>	<b>2.155.762.019</b>	<b>17.584.078.874</b>	<b>320.032.129.374</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>45.155.147.903</b>	<b>21.966.940.870</b>	<b>66.821.796.519</b>	<b>1.326.138.661</b>	<b>5.866.974.553</b>	<b>141.136.998.505</b>
Khấu hao	9.117.290.720	2.800.923.371	11.004.816.562	351.936.776	554.063.373	23.829.030.802
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.272.426.158)	(6.046.865.009)	-	-	(8.319.291.167)
Điều chỉnh do hợp nhất	600.244.700	-	2.400.978.800	-	-	3.001.223.500
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>54.872.683.323</b>	<b>22.495.438.083</b>	<b>74.180.726.872</b>	<b>1.678.075.437</b>	<b>6.421.037.926</b>	<b>159.647.961.640</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>47.611.197.639</b>	<b>6.096.331.590</b>	<b>32.662.420.479</b>	<b>829.623.358</b>	<b>11.717.104.321</b>	<b>98.916.677.388</b>
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>48.181.880.373</b>	<b>3.295.408.219</b>	<b>97.266.151.612</b>	<b>477.686.582</b>	<b>11.163.040.948</b>	<b>160.384.167.734</b>

Tại ngày 31/12/2020, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 63.095.844.162 VND (tại ngày 31/12/2019 là 57.130.297.824 VND). Công ty đã thế chấp các tài sản cố định với nguyên giá 107.555.695.049 VND và giá trị còn lại là 97.896.123.452 VND tại ngày 31/12/2020 để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

(i) Tài sản thu về theo Quyết định số 979/2020/QĐST-KDTM ngày 30/9/2020 của Tòa án Nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh về việc "Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh" với Công ty TNHH Nhà hàng Món Huế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.9 Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2020	8.477.434.106	181.818.182	8.659.252.288
Mua sắm	975.000.000	-	975.000.000
Tại ngày 31/12/2020	9.452.434.106	181.818.182	9.634.252.288
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2020	5.629.924.996	5.353.535	5.635.278.531
Khấu hao	1.412.929.251	36.363.636	1.449.292.887
Tại ngày 31/12/2020	7.042.854.247	41.717.171	7.084.571.418
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2020	2.847.509.110	176.464.647	3.023.973.757
Tại ngày 31/12/2020	2.409.579.859	140.101.011	2.549.680.870

Tại ngày 31/12/2020, nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.378.710.554 VND (tại ngày 31/12/2019 là 1.493.910.554 VND).

**4.10 Bất động sản đầu tư**

	Tại ngày 01/01/2020 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2020 VND
<b><u>Bất động sản đầu tư cho thuê</u></b>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Nhà	14.243.961.941	-	-	14.243.961.941
<b>Cộng</b>	<b>14.243.961.941</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.243.961.941</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Nhà	139.801.849	967.227.087	-	1.107.028.936
<b>Cộng</b>	<b>139.801.849</b>	<b>967.227.087</b>	<b>-</b>	<b>1.107.028.936</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Nhà	14.104.160.092			13.136.933.005
<b>Cộng</b>	<b>14.104.160.092</b>			<b>13.136.933.005</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Mua sắm tài sản cố định	-	43.693.821
Xây dựng cơ bản dở dang	23.031.356.418	1.669.043.285
Dự án cải tạo phòng C nội địa và quốc tế	17.093.795.459	550.818.181
Dự án mở rộng phòng C nội địa	5.757.488.959	212.727.272
Khu Briefing	-	905.497.832
Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc	180.072.000	-
<b>Cộng</b>	<b>23.031.356.418</b>	<b>1.712.737.106</b>

001-C  
TY  
H  
TƯ VẤN  
NAN  
ÁNH  
ĐỊ  
T.P. HÀ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.12 Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
<i>Công ty Cổ phần Giao nhận hàng hóa Nasco</i>	-	-	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	517.143.598	-	-	669.333.637	-	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam</i>	517.143.598	-	-	669.333.637	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	96.694.690.000	127.935.430.000	-	96.694.690.000	132.504.552.500	-
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài (NCTS)</i>	6.694.690.000	127.935.430.000	-	6.694.690.000	132.504.552.500	-
<i>Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (i)</i>	90.000.000.000	-	-	90.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>97.211.833.598</b>	<b>127.935.430.000</b>	<b>-</b>	<b>97.364.023.637</b>	<b>132.504.552.500</b>	<b>-</b>

(i) Đây là khoản đầu tư mà Công ty góp vốn chiếm tỷ lệ sở hữu 15%. Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp số 04/2019/GCN-CRTC ngày 10/10/2019, phần vốn góp của Công ty tại Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh là 11.250.000 cổ phần tương ứng giá trị theo mệnh giá là 112.500.000.000 VND.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của một số khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bởi không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện cũng chưa có hướng dẫn và quy định về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.13 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020 (trình bày lại)
	VND	VND
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>860.160.023</b>	<b>2.938.836.614</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	574.765.985	442.890.600
Chi nhánh TCTHKVN - CTCP - Khu vực miền Bắc	-	1.589.550.631
Chi nhánh TCTHKVN - CTCP - Khu vực miền Trung	-	7.620.941
Chi nhánh TCTHKVN - CTCP - Khu vực miền Nam	5.841.141	514.935.369
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	121.430.418	142.810.702
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	8.120.219	12.831.924
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài	-	9.198.200
Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	147.304.960	217.850.502
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	2.697.300	1.147.745
<b>Phải trả người bán bên thứ ba</b>	<b>39.953.841.450</b>	<b>59.970.427.767</b>
Công ty TNHH DFS Việt Nam	4.139.767.663	17.961.586.014
Công ty TNHH EDF Việt Nam	5.340.038.861	17.392.222.689
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNCO	4.957.135.644	2.136.204.761
Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài - Chi nhánh	9.085.167.424	241.187.407
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	1.971.249.040	
Công ty TNHH Giải pháp TNG	14.460.482.818	22.239.226.896
Phải trả các đối tượng khác		
<b>Cộng</b>	<b>40.814.001.473</b>	<b>62.909.264.381</b>

**4.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND
Phí nhượng quyền kinh doanh	-	47.428.452
Chi phí vận chuyển COB	-	335.928.000
Chi phí vận chuyển, bốc dỡ	896.723.390	-
Chi phí hoa hồng môi giới	663.099.802	693.961.407
Chi phí trích trước tiền thuê mặt bằng	800.727	-
Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị	-	87.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	758.524.299	-
Chi phí ăn ca, độc hại	44.715.000	97.909.566
Chi phí khác	614.175.007	1.395.630.048
<b>Cộng</b>	<b>2.978.038.225</b>	<b>2.657.857.473</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.15 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2020 (trình bày lại)		Trong năm		Tại ngày 31/12/2020	
	VND		VND		VND	
	Số dư		Tăng	Khấu trừ	Số dư	
Thuế GTGT được khấu trừ	1.198.245.471		34.563.717.416	29.302.602.891	6.459.359.996	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	328.843.796	36.243.625.970	36.230.851.118	-	341.618.648
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.949.762.127	67.733.091	1.949.762.127	-	67.733.091
Thuế thu nhập cá nhân	-	278.302.331	2.208.776.431	1.992.388.645	-	494.690.117
Thuế nhà thầu	-	-	180.882.080	180.882.080	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	680.660.157	680.660.157	-	-
Các loại thuế khác	-	-	18.000.000	18.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	62.867.498	62.867.498	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>2.556.908.254</b>	<b>39.462.545.227</b>	<b>41.115.411.625</b>	-	<b>904.041.856</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.16 Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.997.896.982</b>	<b>1.472.222.933</b>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.894.519.585	1.171.395.125
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	103.377.397	300.827.808
<b>Các khoản phải trả bên thứ ba</b>	<b>2.473.217.772</b>	<b>7.508.386.898</b>
Kinh phí công đoàn	234.413.157	333.928.449
Bảo hiểm y tế	15.136.020	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.567.200.000	1.851.200.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	656.468.595	5.323.258.449
<b>Cộng</b>	<b>4.471.114.754</b>	<b>8.980.609.831</b>
<b>Dài hạn</b>		
<b>Các khoản phải trả bên thứ ba</b>	<b>3.640.963.167</b>	<b>3.110.065.167</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.640.963.167	3.110.065.167
<b>Cộng</b>	<b>3.640.963.167</b>	<b>3.110.065.167</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.17 Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 01/01/2020 (trình bày lại) VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2020 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	-	<b>35.490.552.288</b>	<b>1.011.190.930</b>	<b>34.479.361.358</b>
<i>Bên thứ ba</i>	-	<b>35.490.552.288</b>	<b>1.011.190.930</b>	<b>34.479.361.358</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	-	35.490.552.288	1.011.190.930	34.479.361.358
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>15.962.692.840</b>	<b>46.448.234.507</b>	<b>27.515.604.972</b>	<b>34.895.322.375</b>
<i>Bên thứ ba</i>	<b>15.962.692.840</b>	<b>46.448.234.507</b>	<b>27.515.604.972</b>	<b>34.895.322.375</b>
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (iii)	11.354.037.452	20.651.243.768	18.118.491.893	13.886.789.327
Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	3.190.040.586	22.235.256.388	7.978.493.079	17.446.803.895
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (v)	1.077.920.000	944.640.000	1.077.920.000	944.640.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	-	2.276.389.154	-	2.276.389.154
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Quang Minh (vii)	228.194.802	228.205.198	228.200.000	228.200.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Sóc Sơn (vi)	112.500.000	112.500.000	112.500.000	112.500.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>64.023.147.981</b>	<b>94.024.879.707</b>	<b>46.448.229.310</b>	<b>111.599.798.379</b>
<i>Bên thứ ba</i>	<b>64.023.147.981</b>	<b>94.024.879.707</b>	<b>46.448.229.310</b>	<b>111.599.798.379</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	27.105.116.703	64.854.278.098	22.235.256.388	69.724.138.413
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (iii)	33.569.281.278	4.947.601.609	20.651.243.768	17.865.639.119
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	-	24.223.000.000	2.276.389.154	21.946.610.846
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (v)	2.611.900.000	-	944.640.000	1.667.260.000
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Quang Minh (vii)	399.350.000	-	228.200.000	171.150.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Sóc Sơn (vi)	337.500.000	-	112.500.000	225.000.000
<b>Cộng</b>	<b>79.985.840.821</b>	<b>175.963.666.502</b>	<b>74.975.025.212</b>	<b>180.974.482.112</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.17 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

- (i) Khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cung cấp tín dụng số 01/20/CTD/VCB.CD-NASCO của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 09/6/2020 nhằm thanh toán các khoản công nợ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hạn mức vay là 40.000.000.000 VND. Thời hạn của các khoản vay là 06 tháng, thời gian ân hạn là 0 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ (5%/năm).
- (ii) Khoản vay dài hạn (bao gồm vay đến hạn trả) với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cung cấp tín dụng số 01/20/TDH/VCB.CD-NASCO được ký ngày 09/9/2020 nhằm thanh toán các chi phí của dự án Đầu tư 03 xe ô tô sân thấp mới 100% chờ khách hạng thương gia (C-VIP) trong sân đỗ máy bay của Công ty. Hạn mức vay là 24.223.000.000 VND. Thời hạn của các khoản vay là 83 tháng, thời gian ân hạn là 06 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ (8,5%/năm). Tài sản thế chấp là 03 xe khách sân đỗ hiệu YUTONG. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, do ảnh hưởng của COVID-19 tài sản này chưa về, nguyên giá trên hợp đồng là 26.940.000.000 VND.
- (iii) Các khoản vay dài hạn (bao gồm vay đến hạn trả) với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh theo các hợp đồng:
  - Hợp đồng tín dụng số 51/2015-HĐTDDH/NHCT144-NASCO được ký ngày 30/12/2015 nhằm thanh toán các khoản chi phí hợp lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng đơn nguyên 2 và khối lượng đơn nguyên 1 - Trụ sở Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài. Hạn mức tín dụng là 21.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 84 tháng, thời hạn ân hạn là 0 tháng. Lãi suất quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ (7%/năm);
  - Hợp đồng tín dụng số 44/2016-HĐTDDA/NHCT144-NASCO được ký ngày 24/6/2016 nhằm thanh toán các khoản chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư phòng chờ Bông sen vàng và phòng VIP NASCO, nhà ga T1, cảng hàng không quốc tế Nội Bài. Hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời hạn ân hạn là 0 tháng. Lãi suất quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ (7,5%/năm);
  - Hợp đồng tín dụng số 03/2016-HĐTDDA/NHCT144-NASCO được ký ngày 27/12/2016 nhằm thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư mua 02 thang tải khách mới 100% tại tòa nhà đơn nguyên 2 Trụ sở Công ty. Hạn mức tín dụng là 2.392.600.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời hạn ân hạn là 0 tháng. Lãi suất quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ (7,5%/năm);
  - Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐTDDA/NHCT144-NASCO được ký ngày 13/01/2017 nhằm mục đích thanh toán các khoản đầu tư hợp pháp của Dự án Đầu tư mua sắm 02 xe ô tô 46 chỗ mới 100% thay thế 02 ô tô hết niên hạn sử dụng vào cuối năm 2016. Hạn mức tín dụng là 2.730.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất cho vay quy định tại từng giấy nhận nợ (8%/năm);
  - Hợp đồng tín dụng số 03/2017-HĐTDDA/NHCT144-NASCO được ký ngày 24/02/2017 nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn trung dài hạn thanh toán các chi phí đầu tư Dự án xây mới bổ sung tường rào, làm sân vườn, chiếu sáng và cảnh quan trụ sở Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài. Hạn mức tín dụng là 3.411.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời hạn ân hạn là 0 tháng. Lãi suất quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ (7,5%/năm);



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.17 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

- Hợp đồng tín dụng số 04/2017-HĐTDDA/NHC144-NASCO được ký ngày 14/3/2017 nhằm bổ sung vốn trung hạn thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án xây dựng trạm biến áp 800 KVA-22/0,4KV tại khu đất Trụ sở Công ty. Hạn mức tín dụng là 1.583.400.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời hạn ân hạn là 0 tháng. Lãi suất quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ (7,5%/năm);
  - Hợp đồng tín dụng số 16/2018-HĐCVDADT/NHCT144-NASCO được ký ngày 12/6/2018 nhằm thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư xây dựng công trình các cửa hàng kinh doanh thương mại, dịch vụ tại nhà ga T1 sân bay Nội Bài tại Hà Nội. Hạn mức tín dụng là 5.772.000.000 VND. Thời hạn vay là 48 tháng, thời hạn ân hạn là 06 tháng. Lãi suất quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ (7,7%/năm);
  - Hợp đồng cho vay dự án đầu tư 56/2018-HĐCVDADT/NHCT144-NASCO được ký ngày 08/11/2018 nhằm mục đích thanh toán các khoản chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư 02 xe ô tô sân thấp mới 100% chờ khách trong sân đỗ máy bay thay thế 02 xe sân thấp hết niên hạn sử dụng của Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài. Hạn mức tín dụng là 20.150.590.000 VND. Thời hạn vay là 84 tháng, thời hạn ân hạn là 09 tháng. Lãi suất cho vay quy định tại từng giấy nhận nợ (8%/năm). Tài sản thế chấp là 02 xe ô tô sân thấp mới 100%, với tổng nguyên giá là 19.154.738.500 VND;
  - Hợp đồng tín dụng số 24/2019-HĐCVDADT/NHC144-NASCO được ký ngày 19/6/2019 nhằm thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp Dự án đầu tư thay thế 01 xe ô tô trên 45 chỗ mới 100% phục vụ chuyên chở tuyến CBCNV. Hạn mức tín dụng là 1.879.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời hạn ân hạn là 0 tháng. Lãi suất quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ (8%/năm). Tài sản thế chấp là xe ô tô khách UNIVERSER NOBLE-V1006, với tổng nguyên giá là 2.495.477.273 VND.
- (iv) Các khoản vay dài hạn (bao gồm vay đến hạn trả) với Ngân hàng TMCP Quân đội theo các hợp đồng:
- Hợp đồng vay số 25120.19.002.1265566.TD của Ngân hàng TMCP Quân đội ngày 02/7/2019 nhằm bổ sung vốn thanh toán chi phí đầu tư 01 xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu Nissan Terra V2 mới 100%. Hạn mức tín dụng là 1.067.400.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn là 0 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ (8%/năm). Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con BKS: 30F-803.52, với nguyên giá là 1.254.710.909 VND;
  - Hợp đồng vay số 39773.19.002.1265566.TD của Ngân hàng TMCP Quân đội ngày 16/10/2019 nhằm tài trợ vốn trung hạn đầu tư dự án "Cải tạo một phần Trụ sở Công ty thành khu Briefing cho phi công và tiếp viên Tổng Công ty Hàng không Việt Nam ("VNA") tại Nội Bài". Số tiền vay là 26.658.766.316 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn là 0 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ (8,5%/năm);
  - Hợp đồng vay số 58541.19.002.1265566.TD của Ngân hàng TMCP Quân đội ngày 30/12/2019 nhằm thanh toán 90% tiền mua 04 xe sân thấp mới 100% phục vụ vận chuyển hành khách hạng thương gia (C-VIP) trong sân đỗ tàu bay. Số tiền vay là 32.328.000.000 VND. Thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn là 06 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ (8,5%/năm). Tài sản thế chấp là 04 xe sân thấp phục vụ trong sân đỗ sân bay, tổng nguyên giá là 33.112.732.799 VND;

1789  
ÔNG  
TNHH  
CÁN &  
VIỆT  
HI NH  
HÀ N  
VAY

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.17 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

- Hợp đồng vay số 3425.20.002.1265566.TD của Ngân hàng TMCP Quân đội ngày 21/01/2020 nhằm tài trợ vốn dài hạn để thực hiện 02 dự án "Dự án cải tạo các phòng khách Bông Sen nội địa và quốc tế của Công ty tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài" và "Dự án mở rộng phòng khách hạng thương gia nội địa của Công ty tại nhà ga T1". Số tiền vay là 20.780.000.000 VND. Thời hạn vay là 72 tháng, thời gian ân hạn là 02 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ (8,5%/năm);
- Hợp đồng vay số 3994.20.002.1265566.TD của Ngân hàng TMCP Quân đội ngày 03/3/2020 nhằm tài trợ dự án đầu tư 02 xe ô tô sân thấp mới 100% chở khách hạng Y trong sân đỗ máy bay của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài. Số tiền vay là 18.626.562.000 VND. Thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn là 06 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ (8,9%/năm). Tài sản thế chấp là 02 xe sân thấp phục vụ trong sân đỗ sân bay. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, do ảnh hưởng của COVID-19, các tài sản trên chưa về, nguyên giá trên hợp đồng là 676.000 EURO tương ứng với 18.877.976.000 VND (tỷ giá 27.926 VND/EURO).
- (v) Các khoản vay dài hạn (bao gồm vay đến hạn trả) với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo các hợp đồng:
  - Hợp đồng cho vay số 131217-4309576-01-SME được ký ngày 06/02/2018 nhằm mua 01 xe ô tô Camry 2.5G mới 100%. Hạn mức tín dụng là 1.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn là 0 tháng. Lãi suất thả nổi theo lãi suất thị trường (8%/năm). Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con TOYOTA CAMRY, BKS 30E-793.56 với nguyên giá là 1.227.388.182 VND;
  - Hợp đồng cho vay số 010318-4309576-01-SME được ký ngày 01/4/2018 nhằm mua 02 xe 47 chỗ nhãn hiệu 3-2 AUTO UNIVERSE K47W. Hạn mức tín dụng là 4.390.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất thả nổi theo lãi suất thị trường (8%/năm). Tài sản thế chấp là 02 xe ô tô khách 3-2 AUTO UNIVERSE K47W BKS 29B-501.40 và 29B-504.00 với tổng nguyên giá là 4.540.538.182 VND.
- (vi) Đây là khoản vay từng lần theo hợp đồng cho vay số 01/2019/HĐCVTL/VCB.SS-NASCO ngày 31/12/2019 từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn với hạn mức 450.000.000 VND thời hạn 48 tháng đến tháng 9/2022. Mục đích vay để mua 02 xe tải thùng kín theo hợp đồng 190259KTB/2019/HĐKT ngày 06/12/2019, lãi suất 9,8%/năm trong vòng 12 tháng sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo kết quả hạng tín dụng nợ của Vietcombank áp dụng cho khách hàng cá nhân có hợp đồng tiền gửi 12 tháng và được ghi trên giấy nhận nợ. Hàng tháng Công ty thanh toán đều một khoản 9.375.000 VND nợ gốc cùng lãi vay kể từ ngày 25 tháng tiếp sau ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản bảo đảm là hai xe tải thùng kín có nguyên giá 671.836.544 VND, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 là 587.856.968 VND, theo hợp đồng thế chấp động sản số 01/2019/HĐTC-NASCO ngày 31/12/2019.
- (vii) Đây là số dư của hợp đồng vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Quang Minh theo hợp đồng cho vay số 17.65.0019/2017-HĐCVDADT/NHCT264-NASCOLOGISTICS ngày 22/9/2017 hạn mức 1.141.000.000 VND thời hạn 60 tháng đến hết tháng 9/2022, mục đích mua 05 xe ô tô tải Thaco Frontier 125, lãi suất 8,7%/năm tại thời điểm ký hợp đồng và chỉ điều chỉnh trong một vài trường hợp đặc biệt. Giải ngân 01 lần duy nhất. Công ty hiện đang trả nợ gốc cùng lãi vay theo đúng lịch trả nợ quy định tại hợp đồng gốc với số tiền 57.050.000 VND vào ngày 25 của tháng cuối cùng trong quý. Tài sản bảo đảm là 05 xe ô tô thùng kín tải trọng 1,25 tấn có tổng nguyên giá 1.516.976.364 VND, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 là 758.488.116 VND, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 17.65.0016/HĐTC ngày 21/9/2017.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.18 Vốn chủ sở hữu**

**4.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối (trình bày lại) VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (ii) (trình bày lại) VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	83.157.640.000	(2.820.000)	33.053.684.206	3.969.213.452	28.273.710.174	56.661.002.303	205.112.430.135
Lãi trong năm	-	-	-	-	31.533.457.819	6.632.822.341	38.166.280.160
Thưởng Ban Điều hành	-	-	-	-	(346.000.000)	-	(346.000.000)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(20.788.705.000)	-	(20.788.705.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.597.071.835)	-	(2.597.071.835)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>83.157.640.000</b>	<b>(2.820.000)</b>	<b>33.053.684.206</b>	<b>3.969.213.452</b>	<b>36.075.391.158</b>	<b>63.293.824.644</b>	<b>219.546.933.460</b>
Tại ngày 01/01/2020 (trình bày lại)	83.157.640.000	(2.820.000)	33.053.684.206	3.969.213.452	36.075.391.158	63.293.824.644	219.546.933.460
Lãi trong năm	-	-	-	-	(451.428.377)	132.366.672	(319.061.705)
Chia các quỹ	-	-	5.500.000.000	-	(5.500.000.000)	-	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	(18.294.060.400)	-	(18.294.060.400)
Thưởng Ban Điều hành	-	-	-	-	(393.883.989)	(111.928.511)	(505.812.500)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 (i)	-	-	-	-	(6.868.285.057)	(1.519.581.493)	(8.387.866.550)
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	-	(1.797.427.535)	324.807.776	(1.472.619.759)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>83.157.640.000</b>	<b>(2.820.000)</b>	<b>38.553.684.206</b>	<b>3.969.213.452</b>	<b>2.770.305.800</b>	<b>62.119.489.088</b>	<b>190.567.512.546</b>

(i) Trong năm, Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 và trích các quỹ năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài số 63/NQ-NASCO/ĐHĐCĐ ngày 24/6/2020.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.18 Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**4.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

(ii) Chi tiết biến động lợi ích cổ đông không kiểm soát tại Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco như sau:

	<b>Số tiền (VND)</b>
<b>Số dư đầu năm</b>	
Tách lợi ích cổ đông không kiểm soát trong vốn điều lệ	59.780.000.000
Lợi nhuận sau thuế lũy kế của cổ đông không kiểm soát	3.838.632.420
	<b>63.618.632.420</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020 (trình bày lại)</b>	
<b>Tăng trong năm</b>	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	132.366.672
Giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.631.510.004)
	<b>(1.499.143.332)</b>
<b>Cộng (giảm) trong năm</b>	
<b>Số dư cuối năm</b>	
Tách lợi ích cổ đông không kiểm soát trong vốn điều lệ	59.780.000.000
Lợi nhuận sau thuế lũy kế của cổ đông không kiểm soát	2.339.489.088
	<b>62.119.489.088</b>
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	

**4.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận ĐKDN		Số vốn đã góp			
			Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	1.000 VND	%	1.000 VND	%	1.000 VND	%
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	42.411.600	51	42.411.600	51	42.411.600	51
Các cổ đông khác	40.746.040	49	40.746.040	49	40.746.040	49
<b>Cộng</b>	<b>83.157.640</b>	<b>100</b>	<b>83.157.640</b>	<b>100</b>	<b>83.157.640</b>	<b>100</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.18 Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**4.18.3 Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2020 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.315.764	8.315.764
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.315.764	8.315.764
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	8.315.764	8.315.764
Số lượng cổ phiếu được mua lại	282	282
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	282	282
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.315.482	8.315.482
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	8.315.482	8.315.482
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**4.18.4 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 (trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(451.428.377)	31.533.457.819
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019	-	6.868.285.057
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	8.315.482	8.315.482
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>(54)</b>	<b>2.966</b>

Ghi chú: Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**4.19 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VND)	5.436.401	1.182.509.837
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	633.087.400	633.087.400
3. Ngoại tệ các loại		
- USD	46.550,00	17.885,72

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, ăn uống	106.420.411.236	264.958.087.609
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	172.640.674.046	224.642.139.271
Doanh thu bán hàng miễn thuế	18.034.749.166	81.319.540.326
Doanh thu bán hàng hóa	7.740.527.969	18.318.862.994
Doanh thu dịch vụ khác	33.982.178.937	6.538.147.139
<b>Cộng</b>	<b>338.818.541.354</b>	<b>595.776.777.339</b>

Trong năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty đã giảm gần 256,9 tỷ VND so với cùng kỳ năm 2019, nguyên nhân chủ yếu do số lượng các chuyến bay trong năm 2020 giảm, các hãng bay quốc tế dừng bay và các hãng bay nội địa giảm số chuyến bay.

Cũng do ảnh hưởng của COVID-19, công ty con cũng đã đóng cửa quầy hàng tại Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh, do đó doanh thu dịch vụ tại công ty con cũng giảm đáng kể.

**5.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chiết khấu thương mại	245.147.357	353.306.449
<b>Cộng</b>	<b>245.147.357</b>	<b>353.306.449</b>

**5.3 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, ăn uống	35.180.556.986	84.484.603.089
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	118.822.732.793	162.226.607.545
Giá vốn bán hàng miễn thuế	13.944.515.796	62.794.108.484
Giá vốn bán hàng hóa	992.217.738	5.516.502.247
Giá vốn khác	20.068.069.623	359.301.170
<b>Cộng</b>	<b>189.008.092.936</b>	<b>315.381.122.535</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**5.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.096.685.940	1.648.960.165
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.017.963.500	20.388.245.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	438.478.663	944.457.179
<b>Cộng</b>	<b>25.553.128.103</b>	<b>22.981.662.344</b>

**5.5 Chi phí tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	9.178.661.223	4.961.797.988
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	741.287.706	267.202.615
<b>Cộng</b>	<b>9.919.948.929</b>	<b>5.229.000.603</b>

**5.6 Chi phí bán hàng**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	37.273.135.816	81.527.109.241
Chi phí nguyên vật liệu	3.094.171.854	4.948.127.698
Chi phí dụng cụ đồ dùng	2.971.631.877	5.365.248.847
Chi phí khấu hao tài sản	14.256.852.079	11.083.995.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.031.842.431	70.655.312.147
Chi phí khác bằng tiền	9.078.450.923	24.480.432.754
<b>Cộng</b>	<b>118.706.084.980</b>	<b>198.060.226.457</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**5.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	17.036.205.592	20.120.657.068
Chi phí vật liệu văn phòng	205.127.505	105.465.306
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	527.684.985	1.141.101.313
Chi phí khấu hao tài sản	8.187.382.781	7.927.335.516
Dự phòng phải thu khó đòi	89.890.438	-
Thuế và các khoản lệ phí	1.095.661.458	1.222.987.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.787.191.641	7.999.267.365
Chi phí khác bằng tiền	14.189.327.474	18.802.604.615
<b>Cộng</b>	<b>47.118.471.874</b>	<b>57.319.418.206</b>

**5.8 Thu nhập khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	39.991.409	566.999.244
Thu từ bán thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	-	254.839.990
Thu nhập từ quyết định của Tòa án	1.172.406.957	-
Thu nhập khác	351.344.564	67.692.627
<b>Cộng</b>	<b>1.563.742.930</b>	<b>889.531.861</b>

**5.9 Chi phí khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Phí sử dụng dịch vụ Google	619.920.197	-
Các khoản bị phạt	155.902.674	-
Các khoản khác	221.281.054	539.872.205
<b>Cộng</b>	<b>997.103.925</b>	<b>539.872.205</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**5.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và (lỗ)/lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

	Năm 2020 VND	Năm 2019 (trình bày lại) VND
<b>(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(211.627.653)</b>	<b>42.765.699.537</b>
<b>Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận</b>	<b>(19.403.190.888)</b>	<b>(5.844.797.079)</b>
<b>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</b>	<b>(20.274.567.664)</b>	<b>(8.546.314.558)</b>
Thu nhập không thuộc diện nộp thuế TNDN	(21.017.963.500)	(9.138.245.000)
Chi phí không được trừ	435.303.123	591.930.442
Các khoản phạt	155.902.674	-
Lỗ tại công ty liên kết	152.190.039	-
<b>Các khoản chênh lệch tạm thời</b>	<b>871.376.776</b>	<b>2.701.517.479</b>
Chi phí lãi vay vượt 30% EBITDA	376.514.684	-
Khấu hao nhanh tài sản cố định đem góp vốn	640.062.012	(309.590.361)
Giảm dự phòng giảm giá đầu tư công ty con	8.799.892	3.011.107.840
Giảm dự phòng giảm giá đầu tư công ty liên kết	(153.999.812)	-
<b>(Lỗ)/lãi sau điều chỉnh</b>	<b>(19.614.818.541)</b>	<b>36.920.902.458</b>
<b>Trong đó</b>		
(Lỗ)/lãi tại công ty mẹ	(20.098.626.336)	23.565.504.995
Lãi tại công ty con	483.807.795	13.355.397.463
Chuyển lỗ tại công ty con	-	(13.355.397.463)
<b>(Lỗ)/thu nhập tính thuế ước tính trong năm</b>	<b>483.807.795</b>	<b>23.565.504.995</b>
Thuế suất (%)	20%	20%
<b>Thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b>96.761.559</b>	<b>4.713.100.999</b>
Ưu đãi thuế theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020	(29.028.468)	-
Điều chỉnh thuế TNDN theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước		107.566.732
Điều chỉnh hồi tố chi phí thuế TNDN		319.190.031
<b>CP thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>67.733.091</b>	<b>5.139.857.762</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	1.949.762.127	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(1.949.762.127)	-
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>67.733.091</b>	<b>5.139.857.762</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**5.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả kinh doanh	
	Tại ngày	Tại ngày	Năm 2020	Năm 2019
	31/12/2020	01/01/2020		
VND	VND	VND	VND	
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>315.537.361</b>	<b>355.249.175</b>		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh liên quan đến tài sản cố định góp vốn	240.234.424	355.249.175	115.014.751	(540.438.385)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh liên quan đến chi phí lãi vay vượt 30% EBITDA	75.302.937		(75.313.790)	
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>-</b>	<b>122.133.272</b>		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả		20%	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh liên quan đến dự phòng đầu tư tài chính	-	122.133.272		
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>39.700.961</b>	<b>(540.438.385)</b>

**5.12 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	88.049.740.862	140.648.170.512
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.166.929.968	90.420.338.061
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	9.683.992.190	6.952.548.844
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.245.550.776	23.338.546.680
Thuế và các khoản lệ phí	1.099.551.260	1.575.181.243
Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.847.190.884	169.800.949.748
Giá vốn hàng miễn thuế	13.944.515.796	-
Chi phí khác bằng tiền	24.467.499.110	75.411.454.525
<b>Cộng</b>	<b>354.504.970.846</b>	<b>508.147.189.613</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Nhóm Công ty là:

<b>Tên bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Chi nhánh TCTHKVN - CTCP - Trung tâm Khai thác Nội Bài	Công ty mẹ
Chi nhánh TCTHKVN - CTCP - Khu vực miền Bắc	Công ty mẹ
Chi nhánh TCTHKVN - CTCP - Khu vực miền Trung	Công ty mẹ
Chi nhánh TCTHKVN - CTCP - Khu vực miền Nam	Công ty mẹ
Chi nhánh TCTHKVN - CTCP - Trung tâm Bông Sen Vàng	Công ty mẹ
Chi nhánh TCTHKVN - CTCP - Tạp chí Heritage	Công ty mẹ
Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn
- Công ty Bay Dịch vụ Hàng không (VASCO)	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
- Chi nhánh Nội Bài	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
- Chi nhánh Đà Nẵng	
Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (Skypec)	Công ty cùng Tập đoàn
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (Skypec) Khu vực miền Bắc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Hàng không Pacific Airlines	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Giao nhận Hàng hóa VINAKCO	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Nhựa cao cấp Hàng không	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội bài	Cổ đông lớn
Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc	

**Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, Nhóm Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)**

*Bán hàng*

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi nhánh TCTHKVN - CTCP - Khu vực miền Bắc	247.970.979	855.779.255
Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Khai thác Nội Bài	99.404.976.305	199.491.538.968
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài	5.026.493.224	7.913.569.856
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	33.517.175	-
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	2.696.209.471	-
Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	1.822.435.278	3.557.730.871
CN Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (Skypec) Khu vực miền Bắc	310.515.834	638.244.009
Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - CTCP - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không (VASCO)	406.389.850	854.519.587
Công ty CP Hàng không Pacific Airlines	88.854.547	412.355.913
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	13.893.795.136	2.382.792.550
Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Bông Sen Vàng	2.097.000	33.657.000
Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài - Chi nhánh Hà Nội	145.593.506	116.580.311
Chi nhánh TCTHKVN - CTCP - Tạp chí Heritage	98.077.000	103.413.000
<b>Cộng</b>	<b>124.176.925.305</b>	<b>216.360.181.320</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)**

**Mua hàng**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	1.650.869.456	778.381.496
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	69.311.690	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài	-	113.418.700
Công ty CP Nhựa cao cấp Hàng không	12.177.235	-
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	2.100.789.272	1.394.611.190
Chi nhánh TCTHKVN - CTCP - Khu vực miền Bắc	23.462.894.243	-
Chi nhánh TCTHKVN - CTCP - Khu vực miền Trung	1.581.409.400	-
Chi nhánh TCTHKVN - CTCP - Khu vực miền Nam	23.819.076.459	6.125.894.980
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	1.511.352.918	318.130.936
Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	260.436.158	70.111.489
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	79.696.643	33.078.405
<b>Cộng</b>	<b>54.548.013.474</b>	<b>8.833.627.196</b>

**Cổ tức**

Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.18 "Vốn chủ sở hữu".

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	3.902.874.954	4.853.810.412
<b>Cộng</b>	<b>3.902.874.954</b>	<b>4.853.810.412</b>

**Số dư với các bên liên quan**

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 4.3 "Phải thu của khách hàng";
- Thuyết minh số 4.12 "Đầu tư tài chính dài hạn";
- Thuyết minh số 4.13 "Phải trả người bán ngắn hạn";
- Thuyết minh số 4.16 "Phải trả khác".

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Hiện nay, tình hình COVID-19 tiếp tục có những diễn biến khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**6.3 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của năm trước được phân loại và trình bày lại để phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

*Trình bày lại một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất*

STT Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15.850.192.840	112.500.000	15.962.692.840
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	64.135.647.981	(112.500.000)	64.023.147.981
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.237.718.223	319.190.031	2.556.908.254
4. LNST chưa phân phối năm nay	31.690.243.962	(156.786.143)	31.533.457.819
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	63.456.228.532	(162.403.888)	63.293.824.644

*Trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*

STT Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.820.667.731	319.190.031	5.139.857.762
2. LNST của cổ đông của công ty mẹ	31.690.243.962	(156.786.143)	31.533.457.819
3. LNST của cổ đông không kiểm soát	6.795.226.229	(162.403.888)	6.632.822.341
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.811	(845)	2.966
5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.811	(845)	2.966



Trần Việt Phương  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 02 năm 2021

Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kê toán trưởng

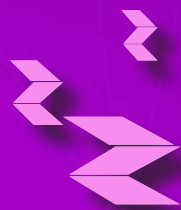
Đỗ Thị Thu Hiền  
Người lập





**NASCO**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI



<http://www.nasco.com.vn>